

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)



HÀ NỘI - 2017

Lời nói đầu

Cuốn sách nhỏ này sẽ giới thiệu cho các bạn sinh viên những điểm chính về lịch sử Trường, về quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên Dược trong suốt quá trình học tập tại Trường trên một số mặt cơ bản như:

- Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Dược Hà Nội
- Chương trình đào tạo
- Một số quy định chung về học tập và rèn luyện tại Trường
- Một số văn bản pháp quy

Những điều giới thiệu trong cuốn sách nhỏ này là những điểm chính được trích ra từ các quy chế, nội quy, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Trường Đại học Dược Hà Nội ban hành.

Nhà trường mong các anh, chị sinh viên dành thời gian nghiên cứu kỹ những điều ghi trong cuốn **“Những điều cần biết”** này. Hy vọng các anh, chị sẽ thực hiện tốt những quy định đó.

Chúc các anh, chị học tập tốt và góp phần xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội ngày càng vững mạnh.

Trường Đại học Dược Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
Giới thiệu chung về trường Đại học Dược Hà Nội	1
Cơ cấu tổ chức và hoạt động	2
Sơ đồ Trường	4
Giới thiệu về một số phòng ban	5
Một số quy định chung	9
Quy định về việc dùng thẻ sinh viên	9
Nội quy học tập tại giảng đường	9
Nội quy thực tập tại phòng thí nghiệm	9
Quy định về việc nghỉ học của sinh viên	10
Quy định về thực tập bù, thực tập lại	10
Quy định về thi hết học phần	11
Thông báo kết quả học tập, khen thưởng, kỷ luật về gia đình	11
Quản lý nội trú và ngoại trú	12
Nhận, trả các giấy tờ xác nhận sinh viên	12
Quy định về tài chính	12
Thời gian hoạt động, giảng dạy của Nhà trường	13
Chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra	14
Chuẩn đầu ra	14
<i>Chuẩn đầu ra đại học</i>	14
<i>Chuẩn đầu ra cao đẳng</i>	16
Chương trình đào tạo Đại học	17
<i>Đại học chính quy</i>	17
<i>Đại học liên thông từ trung cấp</i>	19
<i>Đại học liên thông từ cao đẳng</i>	20
<i>Đại học văn bằng hai</i>	21
Chương trình đào tạo Cao đẳng chính quy	22
Đào tạo sau đại học	23
Đảm bảo chất lượng giáo dục và vai trò của người học	25
Những quy định và văn bản cần biết	25
Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (<i>Quy chế 43</i>)	26
Thông tư sửa đổi bổ sung quy chế 43 (<i>Thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012</i>)	36
Hướng dẫn thực hiện Quy chế 43 tại trường Đại học Dược Hà Nội	39
Quy định công tác sinh viên Trường ĐH Dược HN (<i>Quyết định số 320/QĐ-DHN ngày 12/5/2017</i>)	42
Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường ĐH Dược HN (<i>Quyết định số 321/QĐ-DHN ngày 12/5/2017</i>)	50
Nội quy khu nội trú sinh viên (<i>Quyết định số 369/QĐ-DHN ngày 20/4/2016</i>)	58

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

- Địa chỉ: 13-15, Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 024. 38254539 / 024.39334855/ 024.39336467
- Fax: 024. 38264464/ 024. 39332332
- Website: <http://www.hup.edu.vn>

1. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Trường

Ngày 08/01/1902, Chính phủ Pháp ký quyết định thành lập Trường Thuốc Đông Dương tại Hà Nội để đào tạo y sĩ và dược sĩ phụ tá. Năm 1926, Trường Thuốc Đông Dương được chuyển thành Trường Y Dược thực hành đào tạo bác sĩ và dược sĩ hạng nhất. Năm 1941, Chính phủ Pháp ký sắc lệnh đổi tên thành Trường Đại học Y Dược Đông Dương.

Cách mạng Tháng Tám thành công, Trường Đại học Y Dược Đông Dương được đổi thành Trường Đại học Y Dược khoa và được Bộ Quốc gia Giáo dục quyết định khai giảng khóa đầu tiên ngày 15/11/1946. Do yêu cầu phát triển của ngành Y tế, ngày 29/9/1961, Bộ trưởng Bộ Y tế Phạm Ngọc Thạch ký Quyết định số 828/BYT-QĐ tách Trường Đại học Y Dược khoa thành 2 trường: Đại học Y khoa và Đại học Dược khoa trực thuộc Bộ Y tế.

Năm 1985, Trường chính thức được đổi tên thành Trường Đại học Dược Hà Nội theo Quyết định số 1004/BYT-QĐ, ngày 11/9/1985 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Tính đến nay, Trường đã đào tạo 14.198 dược sĩ đại học, hơn 2.685 dược sĩ chuyên khoa I và chuyên khoa II; trên 1.083 thạc sĩ và hơn 131 tiến sĩ; sản phẩm đào tạo của Trường chiếm hơn 50% nhân lực của toàn ngành Dược. Chương trình đào tạo được cập nhật chương trình tiên tiến của châu Âu và thế giới. Chất lượng đào tạo được kiểm soát chặt chẽ, điểm tuyển sinh những năm gần đây luôn ở mức cao. Trường là cơ sở độc lập duy nhất đào tạo nhân lực trình độ cao cho ngành Dược, đi đầu trong thực hiện đào tạo theo nhu cầu của các địa phương, xã hội, đào tạo sinh viên quốc tế.

Trường có quan hệ và hợp tác với nhiều tổ chức và các trường đại học trên thế giới, mở ra các hướng hợp tác, trao đổi và học tập của nhiều cán bộ và sinh viên. Trường Đại học Dược Hà Nội chú trọng nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy, học tập, quản lý, chuyển giao để sản xuất, đem lại hiệu quả rõ rệt trong hoạt động đào tạo, quản lý của Nhà trường và công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Nhà trường đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận vì những đóng góp trong sự nghiệp giáo dục, đào tạo và chăm sóc sức khỏe nhân dân, nổi bật như:

- Anh hùng Lao động (2011);
- Huân chương Độc lập hạng Nhì (2012);
- Huân chương Độc lập hạng Ba (2006);
- Huân chương Lao động hạng Nhất (2001);
- Huân chương Kháng chiến hạng Ba (1973);
- Huân chương Tự do hạng Nhất (CHDCND Lào tặng, 1983)
- Huân chương Lao động hạng Hai (CHDCND Lào tặng, 2000).

2. Sứ mạng của Trường

Trường Đại học Dược Hà Nội là trường có sứ mạng đi tiên phong trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ Dược cho ngành Y tế Việt Nam đặc biệt là đào tạo đội ngũ chuyên gia có trình độ cao ngang tầm khu vực và thế giới. Trường phải là một trong những trung tâm hàng đầu của cả nước về nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, là đầu mối giao lưu quốc tế trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành Dược.

3. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo của Nhà trường là: ***“Đào tạo Dược sĩ có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở vững, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng tự học vươn lên góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân”***.

4. Mục tiêu phát triển

Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành trường trọng điểm quốc gia, một trung tâm đào tạo cán bộ và nghiên cứu về Dược của cả nước, ngang tầm với các nước trong khu vực và trên thế giới.

5. Các bậc đào tạo

5.1. Đại học:

- Chính quy
- Liên thông từ trung cấp lên đại học
- Liên thông từ cao đẳng lên đại học
- Văn bằng hai

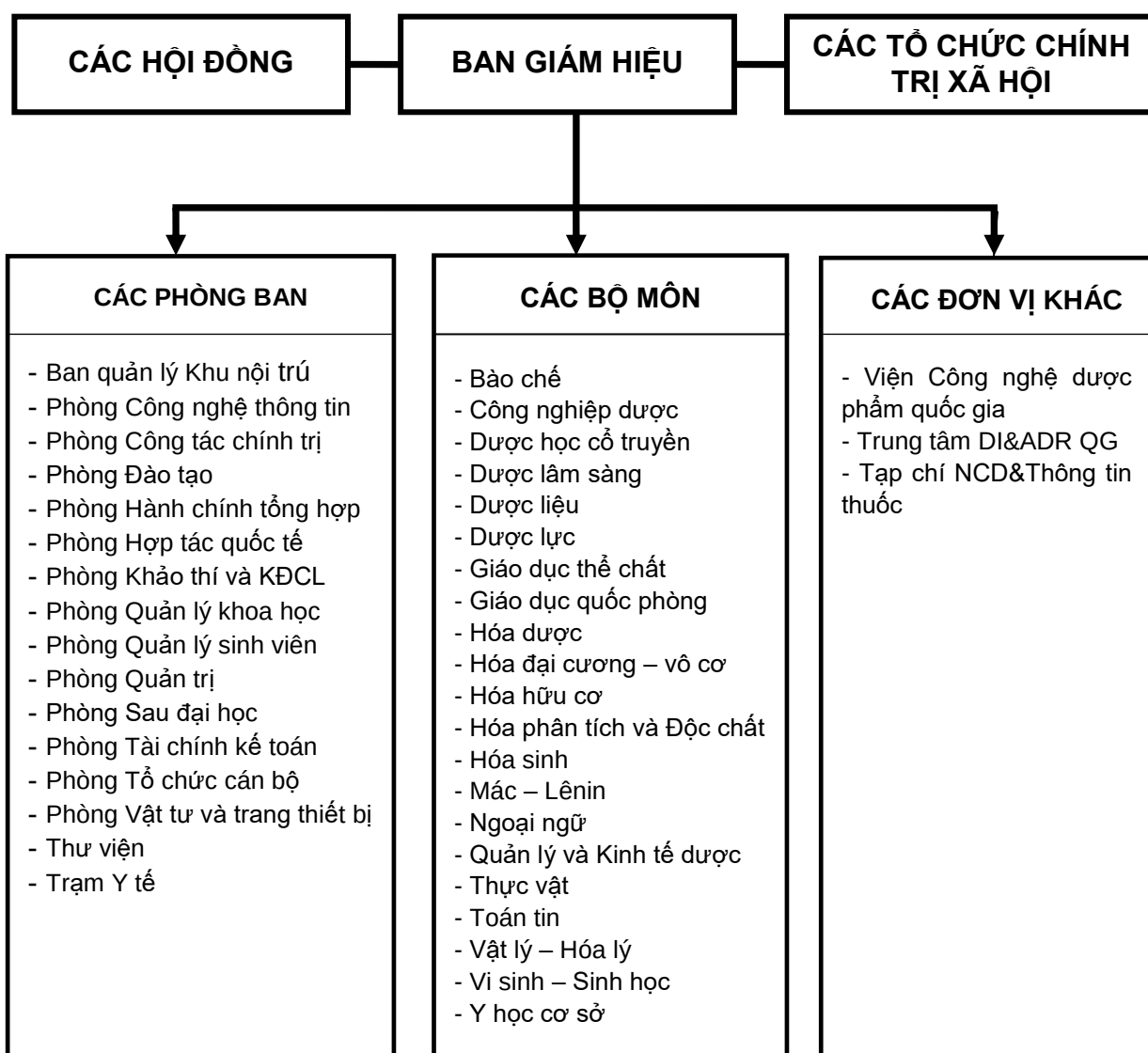
5.2. Cao đẳng

- Chính quy

5.3. Sau đại học:

- Tiến sĩ
- Thạc sĩ
- Dược sĩ chuyên khoa cấp II
- Dược sĩ chuyên khoa cấp I
- Chương trình liên kết đào tạo Thạc sĩ khoa học Dược
- Đào tạo liên tục

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG



BAN GIÁM HIỆU

GS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Phó Hiệu trưởng Phụ trách, quản lý, điều hành
PGS.TS. Đinh Thị Thanh Hải	Phó Hiệu trưởng
DS. Phạm Văn Quyến	Phó Hiệu trưởng

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2015-2020

GS.TS. Nguyễn Thanh Bình	Phó bí thư, Phụ trách ĐU
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuyển	Ủy viên thường vụ, Chủ nhiệm UBKT
GS.TS. Nguyễn Hải Nam	Ủy viên
PGS.TS Nguyễn Ngọc Chiến	Ủy viên
PGS.TS. Đinh Thị Thanh Hải	Ủy viên
PGS.TS. Phạm Thị Minh Huệ	Ủy viên
PGS.TS. Trần Văn Ôn	Ủy viên
ThS. Lê Phan Tuấn	Ủy viên
CN. Phạm Văn Tươi	Ủy viên

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG NHIỆM KỲ 22

PGS.TS. Đinh Thị Thanh Hải	Chủ tịch công đoàn
PGS.TS. Nguyễn Mạnh Tuyển	Phó chủ tịch công đoàn
CN. Phạm Văn Tươi	Phó chủ tịch công đoàn
ThS. Lê Phan Tuấn	Ủy viên thường vụ
CN. Nghiêm Thị Hoài Phương	Ủy viên thường vụ

BAN THƯỜNG VỤ ĐOÀN TNCS HCM NHIỆM KỲ 24

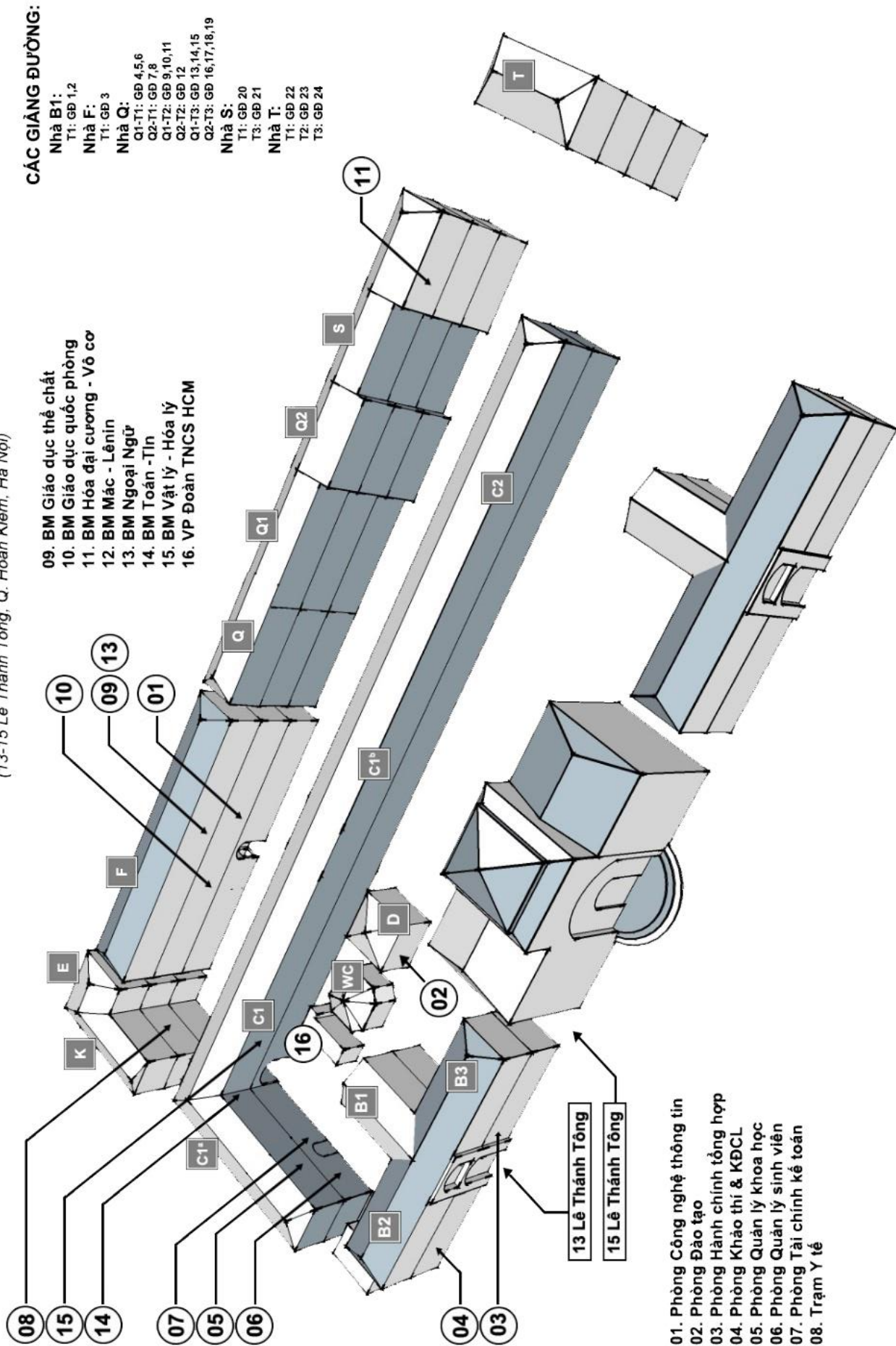
ThS. Đoàn Minh Sang	Bí thư ĐTN
DS. Nguyễn Thanh Tùng	Phó bí thư ĐTN
SV. Nguyễn Quốc Việt, K68	Phó bí thư ĐTN
SV. Nguyễn Thanh Tùng, K68	Ủy viên thường vụ
SV. Trương Thị Thanh Thanh, K68	Ủy viên thường vụ

BAN THƯ KÝ HỘI SINH VIÊN NHIỆM KỲ 17

SV. Nguyễn Thanh Tùng, K68	Chủ tịch HSV
SV. Trần Hải Nam, K69	Phó chủ tịch HSV
SV. Bùi Đức Thắng, K69	Phó chủ tịch HSV
SV. Dương Thúy Linh, K68	Ủy viên
SV. Đường Thị Hồng Nhung, K68	Ủy viên
SV. Dương Thế An, K69	Ủy viên
SV. Điều Minh Châu, K69	Ủy viên

SƠ ĐỒ TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

(13-15 Lê Thánh Tông, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội)



GIỚI THIỆU VỀ MỘT SỐ PHÒNG BAN

PHÒNG ĐÀO TẠO

Điện thoại: 024.38264465/024.39334855

Email: daotaodkh@gmail.com; daotao@hup.edu.vn

Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong quản lý đào tạo đại học như: xây dựng và quản lý chương trình đào tạo, giảng dạy cho các hệ, các khoá; quản lý giảng dạy; tổ chức thi tốt nghiệp và tổng hợp kết quả, quản lý kết quả học tập; quản lý công tác cấp phát bằng đại học; tuyển sinh... Một số hoạt động có liên quan trực tiếp tới sinh viên:

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy, học tập chung cho từng khóa học, năm học, học kỳ, tổ chức các lớp học, lập thời khóa biểu, bố trí, điều hành tiến trình giảng dạy học tập. Bố trí giảng đường theo kế hoạch, thời khóa biểu, lịch thi;
- Xây dựng lịch thi, danh sách thi: kết thúc học phần, thi tốt nghiệp;
- Tổ chức, theo dõi công tác đi thực tế cho sinh viên tại cơ sở ngoài trường;
- Quản lý kết quả học tập;
- Quản lý công tác chứng nhận kết quả học tập, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp cho sinh viên;
- Tham gia tiếp nhận sinh viên nước ngoài;
- Chuẩn bị và tổ chức lễ tốt nghiệp hàng năm;
- Hướng dẫn sử dụng Cổng thông tin quản lý đào tạo: để xem điểm, thông tin sơ yếu lý lịch, lịch học, lịch thi, đăng ký học/học lại/thi cải thiện,... (Địa chỉ: <http://st.hup.edu.vn>)

PHÒNG QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điện thoại: 024 39336467; Email: qlsv@hup.edu.vn/qlsvdhd@gmail.com

Phòng Quản lý sinh viên có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý sinh viên và tổ chức thực hiện công tác quản lý sinh viên theo quy chế của Bộ GD&ĐT và các quy định của nhà trường. Phòng Quản lý sinh viên có các nhiệm vụ cụ thể liên quan trực tiếp đến sinh viên như sau:

- Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển vào học theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và nhà trường. Sắp xếp sinh viên vào các lớp, tổ và chỉ định ban cán sự lâm thời cho các lớp trong thời gian đầu khoá học;
- Chuẩn bị và tổ chức lễ khai giảng;
- Kiện toàn hệ thống cán bộ tổ, lớp đầu các năm học;
- Làm thẻ cho sinh viên nhập học, thu thẻ sinh viên thôi học và giải quyết các vấn đề phát sinh về thẻ trong quá trình sinh viên học tập tại trường;
- Tổ chức xét ngừng học, thôi học và tiếp tục vào học sau ngừng học theo định kỳ và theo đề nghị của người học trình Hiệu trưởng xem xét phê duyệt và ra quyết định;
- Theo dõi, đánh giá ý thức học tập, rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên cuối học kỳ, năm học, khoá học; chỉ đạo các lớp tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể và cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm nội quy, quy chế; xét học bổng, học phí cho sinh viên;
- Tổ chức thực hiện việc trao đổi kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên với gia đình;
- Tổ chức và quản lý việc sinh viên tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác;
- Tổ chức và quản lý các đợt sinh hoạt công dân - HSSV theo kế hoạch, phổ biến chính sách, pháp luật, chế độ và các sinh hoạt chính trị khác;
- Quản lý Cổng thông tin quản lý đào tạo: để xem điểm, thông tin sơ yếu lý lịch, lịch học, lịch thi, đăng ký học/học lại/thi cải thiện,...

+ Địa chỉ: <http://st.hup.edu.vn>

- + Đăng nhập: tên tài khoản là mã sinh viên, mật khẩu được cấp cho từng sinh viên. Sinh viên có trách nhiệm quản lý tài khoản của mình. Khi quên mật khẩu, sinh viên liên hệ với Phòng QLSV để khôi phục mật khẩu mặc định.
- Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với sinh viên về học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, bảo hiểm, tín dụng đào tạo và các chế độ khác có liên quan đến sinh viên;
- Xác nhận sinh viên để làm các thủ tục như vay vốn, đăng ký tạm trú, giải quyết các chế độ chính sách ở địa phương và các giấy tờ xác nhận khác;
- Đề xuất danh sách sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để nhà trường xem xét giải quyết;
- Thực hiện công tác bảo hiểm thân thể cho sinh viên;
- Tổ chức công tác cổ vũ học tập, công tác hướng nghiệp, quan hệ doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên;
- Tổ chức tiếp nhận sinh viên vào Khu nội trú;
- Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhà trường và các đơn vị tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao...

PHÒNG KHẢO THÍ & KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Điện thoại: 024 39335535; email: p.ktkdcl@hup.edu.vn

Phòng Khảo thí & Kiểm định chất lượng có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức triển khai, quản lý công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng, thanh tra giám sát đào tạo trong nhà trường. Một số công việc cụ thể liên quan đến sinh viên như sau:

- Tổ chức viết báo cáo tự đánh giá, cập nhật và lưu giữ số liệu thống kê và minh chứng liên quan đến tự đánh giá.
- Xây dựng các văn bản hướng dẫn về khảo thí và đảm bảo chất lượng trên cơ sở các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn tổ chức thực hiện các quy định và kiểm định chất lượng.
- Tổ chức thi kết thúc học phần.
- Tổ chức thanh tra giám sát đào tạo và thanh tra thi.
- Tổ chức thu thập thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy, học phần, chương trình đào tạo, quản lý đào tạo, cơ sở vật chất, các hoạt động hỗ trợ người học; thu thập thông tin về việc làm của được sỹ đại học sau khi tốt nghiệp 1 năm về tình hình việc làm và phản hồi về chương trình đào tạo tại trường
- Tổ chức lập kế hoạch, xây dựng chuẩn đầu ra các hệ đào tạo của Trường.

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

Điện thoại: 024.39330774

Phòng Công tác chính trị có nhiệm vụ tham mưu cho Đảng ủy và Ban Giám hiệu về các chủ trương, biện pháp, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn trường. Đối với sinh viên, phòng được giao các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Chuẩn bị nội dung và các nghị quyết, đường lối, chính sách của Đảng phổ biến tại các đợt sinh hoạt chính trị công dân sinh viên.
- Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ý thức chính trị, các hoạt động xã hội, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa...

PHÒNG HÀNH CHÍNH TỔNG HỢP

Điện thoại: 024.38254539

Sinh viên đến Phòng Hành chính tổng hợp để làm các thủ tục sau:

- Xác nhận cho sinh viên nhận tiền, bưu phẩm từ Bưu điện.;
- Xác nhận cho sinh viên đăng ký mua vé xe bus;
- Cấp giấy giới thiệu;
- Đóng dấu văn bản, giấy đi đường, xác nhận...

- Sao y văn bằng, bằng điểm, giấy tờ do Trường cấp.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Điện thoại: 024.38267506/024.39330240

Phòng Tài chính kế toán là nơi thu các khoản học phí, chi phí đào tạo (nếu có), tiền ở khu nội trú, lệ phí thi lại, học lại, thực tập bù, thực tập lại, tiền điện vượt mức (khi sinh viên dùng điện vượt quá định mức của sinh viên ở khu nội trú) và cấp phát học bổng, các khoản trợ cấp cho sinh viên. (Xem thêm Quy định về tài chính).

TRẠM Y TẾ

Điện thoại: 024.3990238

Trạm Y tế là nơi theo dõi, quản lý sức khỏe của sinh viên trong suốt thời gian học tập tại trường và đảm bảo quyền lợi về y tế của sinh viên.

Một số quy định liên quan đến sinh viên:

- Sinh viên phải tham gia bảo hiểm y tế (theo quy định hiện hành).
- Sinh viên phải kiểm tra sức khỏe khi nhập học và khám định kỳ. Kinh phí khám sức khỏe do sinh viên tự đóng góp.
- Sinh viên được tư vấn chăm sóc sức khỏe khi cần thiết.
- Quy định về theo dõi sức khỏe của sinh viên trong quá trình học tập:
 - + Có sổ y bạ lưu tại Trạm Y tế trường, sinh viên được lấy ra khi đi khám ở bệnh viện và trả lại trạm sau đợt khám và điều trị.
 - + Trạm Y tế khám, xử trí cấp cứu, cấp phát thuốc thông thường cho sinh viên khi bị ốm và hướng dẫn chuyển viện (đối với các trường hợp cần thiết).
 - + Trường hợp sinh viên nghỉ học để điều trị hoặc khi đi thực tế bị ốm, phải có xác nhận của cơ sở y tế khám bệnh hoặc phải đến Trạm y tế nhà trường khám thì mới được Trạm Y tế xác nhận nghỉ ốm.

THƯ VIỆN

Điện thoại: 024.38243325; 024.39331031 (kho giáo trình).

Thư viện nhà trường được tổ chức theo hướng thông tin – tư liệu nhằm cung cấp sách, báo, tạp chí, thông tin, tư liệu cho cán bộ và sinh viên trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Thư viện trường gồm các bộ phận

- *Kho giáo trình-Tổ in (tại 13-15 Lê Thánh Tông)*: Thực hiện nhiệm vụ bán, xuất giáo trình, tài liệu học tập cho cán bộ giảng viên, học viên, sinh viên.
- *Phòng đọc tham khảo (tại KNT - 1A Thọ Lão)*
 - + Khi đến Thư viện, Sinh viên xuất trình thẻ sinh viên cho thủ thư, không được mang túi, cặp, sách cá nhân, đồ ăn uống vào phòng đọc tự chọn. Nếu có nhu cầu mượn chìa khóa gửi đồ vui lòng liên hệ với thủ thư.
 - + Sinh viên muốn tự học với tài liệu cá nhân của mình có thể mang túi cặp, sách, tài liệu cá nhân lên *Phòng tự học 1* và *Phòng tự học 2* tại tầng 2 của Thư viện.
 - + Sinh viên có thể tự lựa chọn tài liệu để đọc tại chỗ trong Phòng đọc tự chọn (không được mượn tài liệu về nhà).
 - + Đối với sách tham khảo, sinh viên phải tra ký hiệu xếp giá và ghi vào phiếu mượn (tối đa 3 tài liệu/lần mượn).
 - + Sinh viên được sử dụng dịch vụ sao chụp, cung cấp tài liệu của Thư viện.
 - + Sinh viên có nhu cầu thông tin chuyên ngành sâu hơn hoặc thông tin y học khác vui lòng đăng ký với thủ thư để được cung cấp thông tin qua nhiều nguồn thông tin khác.

- *Hướng dẫn tra cứu tài liệu điện tử*: Khi đọc tài liệu số trên trang web thư viện số (<http://thuvien.hup.edu.vn>), vào mục “Cơ sở dữ liệu số”. Sinh viên phải đăng nhập bằng tài khoản và mật khẩu giống như mã số thẻ sinh viên được Nhà trường cấp.

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Điện thoại: 024.39335705; Email: p.cnttdhd@hup.edu.vn

Trang thông tin điện tử của trường <http://hup.edu.vn>.

Nhà trường cấp một tài khoản duy nhất cho sinh viên để sử dụng cho các ứng dụng:

- Trang thông tin đào tạo <http://daotao.hup.edu.vn>;

- Email: <http://mail.hup.edu.vn>;

- Trang thông tin cá nhân sinh viên <http://st.hup.edu.vn>.

Phần mềm thi trắc nghiệm <http://tracnghiem.hup.edu.vn> được cung cấp tài khoản tại buổi thi.

Sinh viên được sử dụng phòng máy tính (do phòng CNTT quản lý) để học tập và tra cứu khi không có lịch thực tập, thi (xem lịch tại trang thông tin đào tạo).

PHÒNG QUẢN LÝ KHOA HỌC

Điện thoại: 024 38245437; email: p.qlkh@hup.edu.vn

Phòng Quản lý khoa học có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng/Ban Giám hiệu về công tác tổ chức, quản lý và triển khai thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, tổ chức hội nghị khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ, hợp tác nghiên cứu khoa học với các tổ chức quốc tế, và công tác sở hữu trí tuệ của trường.

Đối với sinh viên, phòng Quản lý khoa học được giao nhiệm vụ quản lý và theo dõi sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học từ 12 tháng trở lên (có xác nhận của phòng Quản lý khoa học, cán bộ hướng dẫn) hoặc báo cáo tại Hội nghị khoa học từ cấp Trường được cộng thêm điểm để xét điều kiện làm Khóa luận tốt nghiệp.

Khi sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học tại các đơn vị trong trường, cần khai và điền thông tin theo mẫu đơn đăng ký của phòng Quản lý khoa học và nộp bản đăng ký tại phòng Quản lý khoa học. Thời gian tham gia nghiên cứu khoa học của sinh viên được tính kể từ ngày phòng Quản lý khoa học ký xác nhận vào đơn đăng ký.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

Trong quá trình học tập tại trường, người học phải thực hiện các quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường.

1. Quy định về dùng thẻ sinh viên

- Người học được Nhà trường cấp thẻ sinh viên khi vào học tại trường, dùng để xác nhận sinh viên trong khi giao dịch với các đơn vị trong và ngoài trường và sử dụng trong quá trình học tập tại trường.
- Sinh viên phải đeo thẻ khi đến trường, khi tham gia các hoạt động học tập, thi cử và các hoạt động khác do Nhà trường tổ chức.
- Sinh viên có trách nhiệm giữ gìn thẻ sinh viên. Khi bị mất thẻ, sinh viên phải báo ngay cho phòng Quản lý sinh viên để cấp lại.
- Sau khi tốt nghiệp hoặc thôi học, sinh viên phải nộp lại thẻ sinh viên cho Nhà trường

2. Nội quy học tập tại giảng đường

- Tuân theo sự phân phối giảng đường như đã ghi trong thời khoá biểu, không được tự ý thay đổi. Khi cần sử dụng giảng đường để học bù hoặc phụ đạo, cán bộ lớp phải liên hệ với Phòng Đào tạo để bố trí; khi cần dùng giảng đường để họp lớp, học ôn thi... phải liên hệ với phòng Quản trị để sắp xếp.
- Cán bộ lớp cử người trực nhật từng buổi học. Người trực nhật phải lau bảng, nhắc nhở vệ sinh chung, tắt đèn, quạt khi ra về, nhận và bàn giao thiết bị tại giảng đường. Nếu có sự cố mất điện, hỏng đèn, quạt, bàn ghế... thì thông báo ngay cho phòng Quản trị hoặc cán bộ trông coi giảng đường.
- Trong giờ học, sinh viên ăn mặc gọn gàng, nghiêm túc. Khi giảng viên chưa đến hay không đến giảng vì bất kỳ lý do nào, lớp trưởng phải báo cáo với phòng Đào tạo để xin ý kiến.
- Trong giờ giảng, giảng viên là người điều hành duy nhất của lớp, sinh viên tập trung nghe giảng, không làm việc riêng, nói chuyện riêng. Khi cần ra ngoài hay phát biểu ý kiến phải được phép của giảng viên. Sinh viên phải tắt chuông, không sử dụng điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác trong giờ học.
- Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện nội quy giảng đường.

3. Nội quy thực tập tại phòng thí nghiệm

- Sinh viên phải chuẩn bị bài thực tập đầy đủ, đúng yêu cầu của bộ môn.
- Đi thực tập đúng giờ. Khi thực tập phải mặc áo blouse, mũ, khẩu trang theo quy định. Khi nhận dụng cụ, hoá chất thực tập nếu thấy hỏng hoặc thiếu phải báo ngay cho nhân viên phòng thí nghiệm.
- Phải đeo thẻ sinh viên trong thời gian thực tập. Nếu không mang thẻ sinh viên, sinh viên phải viết giấy cam đoan. Trong vòng 03 ngày sau khi thực tập, mang thẻ để xác nhận lại với giáo vụ bộ môn, nếu không kết quả thực tập sẽ không được công nhận.
- Trong khi thực tập tuyệt đối không tự do đi lại mất trật tự, làm ồn ào, không được ăn uống và hút thuốc. Muốn ra khỏi phòng thực tập phải được phép của giảng viên phụ trách.
- Thực tập theo đúng quy trình và phương pháp đã quy định, hướng dẫn. Không tự ý sử dụng các dụng cụ, hoá chất không thuộc bài thực tập hôm đó.
- Bảo vệ giữ gìn mọi dụng cụ thiết bị của phòng thí nghiệm, tiết kiệm điện, nước, hoá chất, thuốc thử. Nếu làm hỏng, vỡ dụng cụ phải báo cáo ngay với giảng viên hướng dẫn để lập biên bản và tùy theo mức độ sai sót sẽ bị xử lý.
- Khi thực tập xong phải làm vệ sinh chỗ thí nghiệm, rửa dụng cụ thực tập, bàn giao cho nhân viên phòng thí nghiệm, chấp hành đúng các quy định về báo cáo kết quả thực tập cho giáo viên hướng dẫn. Mỗi tổ hoặc nhóm thực tập phải cử người trực nhật để sắp xếp lại phòng thí nghiệm.
- Sinh viên không được thực tập hộ cho sinh viên khác.
- Sinh viên phải nghiêm túc thực hiện nội quy các phòng thí nghiệm.

4. Quy định về nghỉ học của sinh viên

Trong thời gian học tập, ngoài những ngày nghỉ hè và Lễ, Tết theo quy định, sinh viên có thể được nghỉ học trong các trường hợp sau:

- Ốm: có xác nhận của Trạm Y tế hoặc các cơ sở y tế hợp pháp.
- Các trường hợp được Nhà trường hoặc Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên cử đi thực hiện nhiệm vụ.
- Vì lý do cá nhân:
 - + Bố mẹ đẻ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột, bố mẹ vợ (hoặc chồng) qua đời;
 - + Gia đình gặp thiên tai nặng;
 - + Bố, mẹ, vợ, chồng, con bị ốm nặng hoặc bị tai nạn nặng;
 - + Các trường hợp đặc biệt khác

Trong trường hợp trên, sinh viên làm đơn xin phép nghỉ trực tiếp hoặc thông qua cán bộ lớp và gửi cho phòng Quản lý sinh viên để Nhà trường xem xét giải quyết. Chỉ khi được sự đồng ý của phòng Quản lý sinh viên, việc nghỉ học của sinh viên mới được coi là nghỉ có phép.

Các trường hợp khác, sinh viên nghỉ học được coi là nghỉ học không phép và sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành về học tập và quản lý sinh viên.

5. Quy định về thực tập bù, thực tập lại

Sinh viên phải hoàn thành đạt yêu cầu các bài thực tập để đủ điều kiện thi hết học phần.

5.1. Thực tập lại:

- Sinh viên đã tham gia thực tập nhưng không đạt yêu cầu phải thực tập lại.
- Quy trình giải quyết thực tập lại: Giáo vụ bộ môn cấp giấy thực tập lại → sinh viên nộp lệ phí tại phòng TCKT → sinh viên mang hóa đơn lên để giáo vụ bộ môn bố trí thực tập lại.
- Lệ phí thực tập lại: 60.000 đ/bài.

5.2. Thực tập bù:

- Sinh viên không tham gia buổi thực tập theo kế hoạch của nhà trường phải thực tập bù.
- Quy trình giải quyết thực tập bù: Sinh viên làm đơn xin thực tập bù (kèm minh chứng, nếu có) → Phòng QLSV xem xét, xác minh → Sinh viên nộp lệ phí tại Phòng TCKT (nếu không được miễn) → Phòng QLSV cấp giấy thực tập bù → Giáo vụ bộ môn giải quyết, bố trí thực tập bù cho sinh viên.
- Thời gian thực tập bù phải đảm bảo đầy đủ như một bài thực tập bình thường và chỉ giải quyết trong thời gian bộ môn có thực tập môn học.
- Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày nghỉ thực tập, sinh viên phải làm đơn xin cấp giấy thực tập bù gửi Phòng QLSV.
- Trong thời gian 07 ngày kể từ ngày được cấp thực tập bù, sinh viên phải liên hệ với giáo vụ bộ môn để sắp xếp lịch thực tập bù. Sau thời hạn trên, giấy thực tập bù được cấp cho sinh viên sẽ không còn giá trị.
- Khi giải quyết thực tập bù, giáo vụ bộ môn kiểm tra biên lai (nếu không được miễn), ghi rõ "Đã giải quyết" và ký tên lên biên lai trước khi trả lại cho sinh viên, lưu lại giấy thực tập bù và lập danh sách để quản lý. Lệ phí thực tập bù: 60.000 đ/bài.

- Các bộ môn không giải quyết cho sinh viên thực tập bù khi chưa có giấy thực tập bù của Phòng QLSV và biên lai của Phòng TCKT (nếu không được miễn).

*** Xử lý nghỉ thực tập không xin phép:**

- Trừ những trường hợp nghỉ thực tập có xin phép và thực hiện đúng các thủ tục quy định tại mục 4, những trường hợp còn lại là nghỉ thực tập không phép.
- Nếu trong 1 năm học, sinh viên nghỉ thực tập không phép nhiều lần sẽ xử lý bị kỷ luật, cụ thể như sau:
 - Nghỉ thực tập không phép từ 3 lần trở lên sẽ bị kỷ luật khiển trách.
 - Nghỉ thực tập không phép từ 6 lần trở lên sẽ bị kỷ luật cảnh cáo.

- Nghỉ thực tập không phép từ 9 lần trở lên sẽ bị kỷ luật đình chỉ học tập 1 năm.
- Một số trường hợp đặc biệt sẽ trình Hội đồng khen thưởng, kỷ luật Nhà trường xem xét và quyết định.

6. Quy định về thi hết học phần

*** Quy định chung về thi hết học phần**

- Khi vào phòng thi, phải đeo thẻ sinh viên. Trong trường hợp không có thẻ sinh viên, sinh viên viết giấy cam kết nộp cho cán bộ coi thi. Trong vòng 3 ngày làm việc sau khi thi, sinh viên phải mang thẻ sinh viên lên xác nhận tại phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, nếu không kết quả thi sẽ bị hủy.

- Chỉ được mang vào phòng thi các vật dụng được phép mang vào. Giấy thi và giấy nháp dùng để làm bài phải ghi rõ họ tên sinh viên, mã sinh viên và có chữ ký của cán bộ coi thi.

- Ngồi đúng vị trí quy định và tuân thủ sự điều chỉnh chỗ ngồi của cán bộ coi thi.

- Trong giờ thi, không được sử dụng các tài liệu không được phép mang vào phòng thi, không được trao đổi với sinh viên khác. Tuyệt đối không được đem các thiết bị thu phát truyền tin vào phòng thi.

- Không ra ngoài phòng thi trong giờ thi. Sinh viên chỉ được phép rời phòng thi khi hết 2/3 thời gian làm bài đối với những môn thi tự luận và không được phép nộp bài sớm đối với môn thi trắc nghiệm.

- Điểm thi hết học phần do bộ môn công bố cho sinh viên chậm nhất sau 10 ngày làm việc theo lịch đối với học phần thi viết, với các học phần không tổ chức thi (môn chỉ thực hành và các chuyên đề kết thúc bằng làm tiểu luận) chậm nhất là sau 3 tuần kể từ khi kết thúc lên lớp. Bộ môn chỉ giải quyết các thắc mắc về điểm của sinh viên trong thời hạn 7 ngày sau khi bộ môn công bố điểm (trên bảng tin của bộ môn hoặc qua tài khoản cá nhân của sinh viên)

- Các trường hợp vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo các quy chế, quy định hiện hành.

*** Đăng ký thi và danh sách thi:**

- Sinh viên có tên trong danh sách do phòng Đào tạo gửi phòng Khảo thí và KĐCL mới được dự thi. Các sinh viên có trách nhiệm kiểm tra lại lịch thi, số báo danh, giảng đường thi từng môn bằng việc truy cập tài khoản cá nhân của mình trước ngày thi.

- Đối với thi cải thiện, thi học lại những học phần chưa tích lũy: sinh viên phải đăng ký theo đúng lịch quy định của Nhà trường (đăng ký thi cải thiện: trong vòng 3 ngày sau khi bộ môn lên điểm; đăng ký học lại theo lịch của phòng Đào tạo thông báo). Muộn nhất là 1 ngày trước ngày thi, sinh viên phải kiểm tra lại tình trạng đăng ký thi của mình, nếu không có tên trong danh sách thi, sinh viên phải đến phòng Đào tạo để kiểm tra, đăng ký lại.

- Sinh viên muốn thi lần 2, thi cải thiện, học lại những học phần chưa tích lũy phải nộp lệ phí theo quy định của nhà trường.

- Sinh viên không đến dự thi không có lý do phải nhận điểm 0 (không) cho lần thi đó.

*** Về học lại các học phần chưa tích lũy:**

Những sinh viên có các học phần còn chưa tích lũy phải đăng ký học lại các học phần đó theo quy định của Nhà trường.

*** Công bố và theo dõi kết quả thi:**

- Bộ môn dán đáp án rút gọn và thang điểm sau ngày thi 03 ngày làm việc.

- Bộ môn công bố điểm thi ngay sau khi có kết quả thi, tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.

- Người học có trách nhiệm theo dõi kết quả học tập của mình.

- Sau mỗi học kỳ, phòng Đào tạo công bố toàn bộ kết quả thi của học kỳ đó. Sinh viên phải có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu giữa kết quả do phòng Đào tạo công bố với điểm do cá nhân theo dõi. Nếu phát hiện có sự sai khác phải báo cho phòng Đào tạo để giải quyết trong thời gian 07 ngày sau khi công bố điểm.

7. Thông báo kết quả học tập, khen thưởng, kỷ luật về gia đình:

- Nhà trường thông báo kết quả học tập, rèn luyện, khen thưởng, kỷ luật từng kỳ về cho gia đình của sinh viên hoặc cơ quan cử đi học (đối với sinh viên đại học hệ liên thông).
- Các lớp trưởng thu 2 phong bì (đã có tem và địa chỉ)/mỗi sinh viên, sắp xếp theo Mã sinh viên và nộp kèm danh sách về phòng Quản lý sinh viên trước ngày 30/12 hàng năm.
- Sinh viên phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp. Trong trường hợp sinh viên cố tình cung cấp thông tin không chính xác, Nhà trường sẽ xử lý theo quy định.

8. Quản lý nội trú và ngoại trú:

- Sinh viên phải thực hiện đầy đủ việc đăng ký tạm trú, tạm vắng theo quy định.
- Sinh viên phải báo cáo thông tin liên lạc, chỗ ở hiện tại cho Phòng QLSV theo đúng thời gian quy định của Phòng vào mỗi năm học.
- Sinh viên ngoại trú: khi thay đổi chỗ ở, trong vòng 15 ngày phải báo cho Phòng QLSV để theo dõi và quản lý.
- Sinh viên nội trú: thực hiện theo Thông tư số 27/2009/TT-BGDĐT ngày 19/10/2009 và Nội quy KNT sinh viên.

*** Quy trình xét vào ở trong Khu nội trú:** Sinh viên có nguyện vọng vào ở KNT cần làm đơn (theo mẫu) và giấy tờ về đối tượng ưu tiên (nếu có) gửi về phòng QLSV. Căn cứ vào số giường trống trong khu nội trú, phòng QLSV sẽ xét duyệt theo các thứ tự ưu tiên như sau:

- Sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên 01 đến 06 trong tuyển sinh có HKTT tại KV1 và KV2-NT.
- Sinh viên cử tuyển, sinh viên trúng tuyển diện dự bị đại học, sinh viên nước ngoài.
- Sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên 01 đến 06 trong tuyển sinh có HKTT tại KV2 và KV3.
- Sinh viên là con mồ côi cả cha và mẹ.
- Sinh viên là con hộ nghèo, cận nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước.
- Sinh viên có hộ khẩu thường trú tại vùng cao, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Sinh viên nữ.
- Thứ tự ưu tiên của các hệ: Đại học chính quy, Cao đẳng chính quy, Liên thông, các đối tượng khác.

Sinh viên sau khi được nhận Phiếu vào KNT do phòng QLSV cấp, đến gặp Ban quản lý KNT để làm thủ tục tiếp nhận và được bố trí phòng ở.

9. Nhận/trả các giấy tờ xác nhận sinh viên:

- Phòng QLSV nhận và trả giấy tờ xác nhận thông qua cán bộ lớp (sinh viên năm cuối có thể nộp và nhận trực tiếp).
- Các lớp nộp giấy tờ xin xác nhận và nhận lại giấy tờ đã được xác nhận theo lịch của phòng QLSV.

10. Quy định về tài chính:

*** Quy định về thời gian thu học phí, chi phí đào tạo (nếu có):**

- Sinh viên phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính (học phí, chi phí đào tạo, tiền ở khu nội trú, ...) theo từng học kỳ, cụ thể: trước ngày **10/11** đối với học kỳ I và ngày **10/5** đối với học kỳ II.
- Các trường hợp đặc biệt có thể xin gia hạn thời gian đóng các khoản phí (nộp đơn muộn nhất **15 ngày** trước khi đến hạn) cho phòng Quản lý sinh viên để phòng tổng hợp và ra thông báo danh sách sinh viên được gia hạn.
- Sinh viên chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính đúng hạn sẽ không được dự thi học phần đầu tiên. Để có thể dự thi các học phần kế tiếp (kể cả thi lần 2), sinh viên cần hoàn thành nghĩa vụ tài chính, có đơn kèm biên lai nộp tiền nộp về phòng Đào tạo. Sinh viên sẽ được

phòng Đào tạo bố trí cho dự thi các học phần có ngày thi sau **03 ngày** kể từ ngày nộp đơn (không kể ngày thứ 7, chủ nhật).

*** Thu tiền ở nội trú, tiền điện vượt định mức**

Sinh viên phải nộp tiền ở Khu nội trú theo từng học kỳ (trước ngày **10/11** đối với học kỳ I và ngày **10/5** đối với học kỳ II). Khi không ở KNT nữa, sinh viên phải viết giấy báo ra KNT gửi Ban quản lý KNT (nếu không vẫn bị tính phí KNT).

Tiền điện vượt định mức (nếu có): Từng quý, Ban quản lý KNT thông báo cho các phòng sử dụng điện vượt định mức. Khoản tiền này được nộp theo phòng, muộn nhất **07 ngày** sau khi có thông báo.

*** Lịch thu tiền của sinh viên:**

Phòng TCKT thu các khoản tiền của sinh viên từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định chung) tại Phòng TCKT tầng 1 nhà C1a.

Buổi sáng: từ 8h30 đến 11h30

Buổi chiều: từ 14h00 đến 16h30

Sinh viên có thể nộp các khoản bằng tiền mặt, quét thẻ ngân hàng tại Phòng Tài chính kế toán hoặc sinh viên chuyển khoản qua ngân hàng.

Thông tin tài khoản để sinh viên chuyển khoản:

Chủ tài khoản : Trường Đại học Dược Hà Nội

Số tài khoản: 1420201005445.

Tại ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Đông Hà Nội.

Nội dung: Ghi tên, lớp, mã sinh viên nộp tiền học phí cho kì ...năm học

Ví dụ: *Sinh viên Nguyễn Văn A, lớp A1K71, mã sinh viên 1601001 nộp tiền học phí kì I năm học 2017-2018.*

11. Thời gian hoạt động giảng dạy của Nhà trường

- Thời gian các tiết học:

Tiết	Thời gian
1	6h45 - 7h30
2	7h35 - 8h20
3	8h30 - 9h15
4	9h20 - 10h05
5	10h15 - 11h00
6	11h05 - 11h50

Tiết	Thời gian
7	13h05 - 13h50
8	14h00 - 14h45
9	14h50 - 15h35
10	15h45 - 16h30
11	16h35 - 17h20
12	17h30 - 18h15

- Giờ thực hành được bố trí như sau:

Ca sáng : 8h00 - 11h00

Kíp 1 : 6h00 - 9h00

Kíp 3 : 12h15 - 15h15

Ca chiều : 13h30 - 16h30

Kíp 2 : 9h05 - 12h05

Kíp 4 : 15h20 - 18h20

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

I. CHUẨN ĐẦU RA:

CHUẨN ĐẦU RA ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 245/QĐ-DHN ngày 06/5/2014
của Hiệu trưởng Trường đại học Dược Hà Nội)

1. Tên ngành đào tạo: **Dược học (Pharmacy)**

2. Trình độ đào tạo: **Đại học**

3. Yêu cầu về kiến thức

3.1. Về chính trị

Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

3.2. Về ngoại ngữ

Đạt trình độ tiếng Anh 400 điểm TOIEC (tương đương trình độ A2 theo Khung tham chiếu Châu Âu) hay các hình thức đánh giá khác của tiếng Anh hoặc tiếng Đức, Nga, Pháp, Trung có trình độ tương ứng.

Có khả năng giao tiếp thông thường và khai thác sử dụng được các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.

3.3. Về tin học

Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tin học trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán và thống kê.

Có khả năng tiếp cận, sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Y - Dược.

Có khả năng khai thác và sử dụng được các dịch vụ cơ bản của internet trong tìm kiếm và trao đổi thông tin.

3.4. Về chuyên môn

Có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và có phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học.

Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bào chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng, cung ứng, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

Nắm vững được các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Có kiến thức bổ trợ về một trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dược (phát triển, sản xuất nguyên liệu làm thuốc, xây dựng công thức bào chế, sản xuất các chế phẩm thông thường).

- Dược lâm sàng (hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý trong bệnh viện và cộng đồng).

- Quản lý và kinh tế dược (quản lý, cung ứng, kinh doanh trong lĩnh vực dược).

- Đảm bảo chất lượng thuốc (đảm bảo chất lượng thuốc, các phương pháp đánh giá chất lượng nguyên liệu và các chế phẩm trong lĩnh vực dược).

- Dược liệu và dược cổ truyền (bảo tồn, khai thác, nuôi trồng, chế biến, sản xuất, tư vấn sử dụng dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu).

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

Tham gia tổ chức và triển khai được thực hành tốt trong sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Triển khai được các hoạt động khoa học công nghệ trong các lĩnh vực trên.

Triển khai thực hiện được các văn bản pháp quy về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

Xây dựng và triển khai được kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.

Tư vấn và hướng dẫn được cho các nhân viên y tế và cộng đồng về thuốc.

Thu thập, tổng hợp, đánh giá và phổ biến được các thông tin liên quan đến thuốc và sức khỏe.

Có thêm một số kỹ năng trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dược (tham gia tổ chức và sản xuất được một số thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng).

- Dược lâm sàng (phân tích được cách dùng thuốc trong một số ca lâm sàng; tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý cho nhân viên y tế và bệnh nhân; thực hiện được quy trình thông tin thuốc).

- Quản lý và kinh tế dược (thực hiện được các phương pháp, các chức năng quản lý và kinh tế dược trong lựa chọn, mua sắm, phân phối, sử dụng thuốc và các dịch vụ y tế phù hợp với từng địa phương, đơn vị).

- Đảm bảo chất lượng thuốc (đo lường và xử lý được các số liệu trong quá trình đảm bảo chất lượng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Tham gia xây dựng tiêu chuẩn chất lượng và thẩm định phương pháp kiểm nghiệm).

- Dược liệu và dược cổ truyền (chế biến, kiểm nghiệm, sản xuất, tư vấn và hướng dẫn sử dụng được một số dược liệu và chế phẩm có nguồn gốc dược liệu).

4.2. Kỹ năng mềm

Có khả năng giao tiếp, soạn thảo, thuyết trình, thảo luận, đàm phán và làm chủ tình huống.

Tổ chức và quản lý được các nguồn lực, dịch vụ cũng như môi trường làm việc.

Thiết lập kế hoạch và quản lý thời gian làm việc một cách hiệu quả.

Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm.

5. Yêu cầu về thái độ

Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục.

Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan.

Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng.

Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

Nhận thức rõ và có ý thức bảo vệ môi trường.

Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Đảm nhiệm các vị trí công tác dược trong các cơ quan quản lý, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng có yêu cầu sử dụng dược sỹ.

Có khả năng giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý trong các đơn vị đào tạo và nghiên cứu chuyên môn dược.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.

Có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên đề sau đại học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học trong và ngoài nước.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Hòa

CHUẨN ĐẦU RA CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 246/QĐ-DHN ngày 06/5/2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

1. Tên ngành đào tạo: **Dược học (Pharmacy)**

2. Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

3. Yêu cầu về kiến thức

3.1. Về chính trị

Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh để vận dụng vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

3.2. Về ngoại ngữ

Đạt trình độ tiếng Anh 350 điểm TOIEC (tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu) hay các hình thức đánh giá khác của tiếng Anh hoặc tiếng Đức, Nga, Pháp, Trung có trình độ tương ứng.

Có khả năng giao tiếp thông thường và đọc hiểu được một số tài liệu chuyên môn đơn giản bằng tiếng Anh.

3.3. Về tin học

Có khả năng khai thác và sử dụng được các ứng dụng cơ bản của tin học văn phòng và internet.

3.4. Về chuyên môn

Có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở.

Có kiến thức cơ bản về bào chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng, cung ứng, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

Nắm vững được các chủ trương, chính sách và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. Yêu cầu về kỹ năng

4.1. Kỹ năng cứng

Tham gia thực hiện được một số quy trình sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng, tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện được các văn bản pháp quy về dược trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Tham gia thực hiện được một số công tác dược trong cơ sở y tế, cộng đồng và các chương trình y tế quốc gia.

4.2. Kỹ năng mềm

Có khả năng giao tiếp, soạn thảo văn bản, trình bày, thảo luận và làm việc theo nhóm.

Xây dựng được kế hoạch làm việc hiệu quả.

5. Yêu cầu về thái độ

Có động cơ học tập và làm việc đúng đắn, nhận thức được nhu cầu cập nhật kiến thức liên tục.

Có đạo đức nghề nghiệp, hành nghề đúng pháp luật, trung thực, khách quan. Có trách nhiệm công dân, ý thức cộng đồng.

Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

Nhận thức rõ và có ý thức bảo vệ môi trường.

Có ý thức rèn luyện sức khỏe, bảo vệ an ninh quốc phòng.

6. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Đảm nhiệm các vị trí công tác có yêu cầu sử dụng nhân lực Dược trình độ cao đẳng trong các cơ quan quản lý, cơ sở điều trị, sản xuất, kinh doanh, kiểm tra giám sát chất lượng dược phẩm, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

Có thể đảm nhận được một số công việc của dược sỹ khi thật sự cần thiết.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn; duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.

Có khả năng tham gia các khóa đào tạo chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Có khả năng theo học chương trình đào tạo liên thông để được cấp văn bằng được số.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Đăng Hòa

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Hệ chính quy

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
1	Bào chế và sinh dược học 1	3
2	Bào chế và sinh dược học 2	3
3	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	5
4	Dược học cổ truyền	3
5	Dược động học	2
6	Dược lâm sàng	4
7	Dược liệu 1	3
8	Dược liệu 2	2
9	Dược lý 1	2
10	Dược lý 2	3
11	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	8
12	Giáo dục thể chất	3
13	Hoá đại cương vô cơ	4
14	Hoá dược 1	3
15	Hoá dược 2	2
16	Hoá hữu cơ 1	3
17	Hoá hữu cơ 2	2
18	Độc chất	2
19	Hoá phân tích 1	3
20	Hoá phân tích 2	3
21	Kiểm nghiệm	2
22	Môi trường	1
23	Hoá sinh	3
24	ĐLCM của ĐCSVN	3
25	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	2
26	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	3

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
27	Tâm lý và đạo đức Y Dược	1
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
29	Ngoại ngữ 1	2
30	Ngoại ngữ 2	2
31	Ngoại ngữ 3	2
32	Ngoại ngữ chuyên ngành	2
33	Dịch tễ dược cơ bản	1
34	Pháp chế dược	2
35	Quản lý và Kinh tế dược	3
36	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	1
37	Thực vật	3
38	Tin học	3
39	Toán thống kê y dược	3
40	Hoá lý dược	3
41	Vật lý đại cương 1	3
42	Vật lý đại cương 2	1
43	Sinh học	3
44	Vi sinh	3
45	Ký sinh trùng	1
46	Bệnh học cơ sở	3
47	Giải phẫu - sinh lý	4
48	Sinh lý bệnh - miễn dịch	3
49	Thực hành dược khoa	4
50	Định hướng chuyên ngành và tự chọn	22
51	Tốt nghiệp	10
Tổng		164

* Các định hướng chuyên ngành và chuyên đề tự chọn:

Ghi chú:

M: Định hướng Công nghiệp dược truyền

N: Định hướng Dược lâm sàng thuốc

O: Định hướng Quản lý và kinh tế dược

P: Định hướng Dược liệu - Dược cổ

Q: Định hướng Đảm bảo chất lượng

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
1	Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)	1				1
2	Bào chế công nghiệp	5				
3	Công nghệ vi sinh trong SXDP	4				
4	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	3				
5	Kỹ thuật hóa dược	3				
6	Một số quá trình và thiết bị trong công nghệ dược phẩm	3				
7	Mỹ phẩm	1				
8	Viên đặc biệt	1				
9	Kiểm nghiệm dược phẩm (bổ sung)	1				1
10	KTSXDP (không học)	-5				
11	Dược lý 3		2			
12	Sử dụng thuốc trong điều trị		5			
13	Phân tích ca lâm sàng		2			
14	Bệnh gây ra do thuốc		1			
15	Tư vấn sử dụng thuốc		1	1		
16	Thông tin thuốc		1	1		
17	Bệnh học 2		1			
18	Phương pháp đánh giá sử dụng thuốc		1			
19	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nhà thuốc tốt		1	1		
20	Hóa sinh lâm sàng		1			
21	Thực hành Bệnh viện		1			
22	Marketing dược			2		
23	Quản lý cung ứng thuốc			2		
24	Quản trị doanh nghiệp dược			3		
25	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)			2		2
26	Dịch tễ dược trong nghiên cứu cộng đồng			3		
27	Dược cộng đồng			1		
28	Dược xã hội học			2		
29	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc				2	
30	Dược học cổ truyền 2				2	
31	Kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu				2	2
32	Trồng và phát triển cây thuốc				2	
33	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở Việt Nam				2	
34	Bào chế đông dược				1	
35	Bệnh học y học cổ truyền				1	
36	Đa dạng sinh học cây thuốc				2	
37	Đại cương về nghiên cứu và phát triển sản phẩm từ thảo dược				1	
38	Dược lý dược cổ truyền				1	
39	Thực vật dân tộc học ứng dụng				1	
40	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)					1
41	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học					3
42	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích					1

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
43	Điện di và phân tích nhiệt					2
44	Phương pháp nghiên cứu độ ổn định của thuốc					1
45	Xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu hóa dược					2
46	Các chuyên đề tự chọn khác	5	5	4	5	6

2. Hệ liên thông từ trung cấp lên đại học

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ	TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
1	Những NLCB của CN Mác-Lênin	5	20	Bệnh học cơ sở	3
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	Thực vật dược	2
3	ĐLCM của ĐCSVN	3	22	Hoá hữu cơ	4
4	Ngoại ngữ (có ngoại ngữ chuyên ngành)	7	23	Độc chất	2
5	Tin học	2	24	Dược động học	2
6	Tâm lý học y học – Y đức	1	25	Dược lý	4
7	Giáo dục quốc phòng	2	26	Dược liệu	4
8	Toán Thống kê Y dược	3	27	Hoá dược	4
9	Vật lý đại cương	3	28	Bào chế và sinh dược học	4
10	Hoá đại cương vô cơ	3	29	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	4
11	Sinh học	2	30	Dược học cổ truyền	3
12	Hoá phân tích	4	31	Pháp chế dược	1
13	Môi trường	1	32	Quản lí và kinh tế dược	3
14	Giải phẫu - sinh lý	3	33	Dịch tễ dược cơ bản	1
15	Sinh lý bệnh-Miễn dịch	3	34	Dược xã hội học	1
16	Hóa sinh	3	35	Dược lâm sàng	3
17	Hoá lý dược	3	36	Kiểm nghiệm	2
18	Vi sinh	2	37	Chuyên đề tự chọn	12
19	Ký sinh trùng	1	38	Tốt nghiệp	10
Tổng					122

* Các định hướng chuyên ngành và chuyên đề tự chọn:

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
1	Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)	1				1
2	Bào chế công nghiệp	4				
3	Công nghệ vi sinh trong SXDP	3				
4	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	3				
5	Kỹ thuật hóa dược	3				
6	KTSXDP (không học)	-4				
7	Dược lý 3		2			
8	Sử dụng thuốc trong điều trị		3			
9	Phân tích ca lâm sàng		1			
10	Bệnh gây ra do thuốc		1			
11	Tư vấn sử dụng thuốc		1			
12	Thông tin thuốc		1			
13	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành nhà thuốc tốt			1		

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
14	Marketing dược			2		
15	Quản lý cung ứng thuốc			2		
16	Quản trị doanh nghiệp dược			3		
17	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)			2		2
18	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc				2	
19	Dược học cổ truyền 2				2	
20	Kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu				2	2
21	Trồng và phát triển cây thuốc				2	
22	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở Việt Nam				2	
23	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)					1
24	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học					3
25	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích					1
26	Các chuyên đề tự chọn khác	2	3	2	2	2

Ghi chú:

M: Định hướng Công nghiệp dược truyền

N: Định hướng Dược lâm sàng thuốc

O: Định hướng Quản lý và kinh tế dược

P: Định hướng Dược liệu - Dược cổ

Q: Định hướng Đảm bảo chất lượng

3. Hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ	TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
1	Bào chế	3	16	Hoá sinh	2
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	4	17	Tâm lý và đạo đức Y Dược	1
3	Dược học cổ truyền	2	18	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
4	Dược động học	2	19	Dịch tễ dược cơ bản	1
5	Dược lâm sàng	3	20	Quản lý và Kinh tế dược	2
6	Dược liệu	3	21	Truyền thông và GDSK	1
7	Dược lý	3	22	Toán thống kê y dược	2
8	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	2	23	Hoá lý dược	3
9	Hoá đại cương vô cơ	2	24	Vật lý đại cương	2
10	Hóa dược	3	25	Sinh học	2
11	Hoá hữu cơ	2	26	Vi sinh- Ký sinh	2
12	Độc chất	2	27	Bệnh học cơ sở	2
13	Hóa phân tích	2	28	Sinh lý bệnh - miễn dịch	3
14	Kiểm nghiệm (*)	1	29	Định hướng chuyên ngành và tự chọn	14
15	Môi trường	1	30	Tốt nghiệp	5
Tổng					80

(*) Miễn học và chuyển điểm trong chương trình Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học cho sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng tại Đại học Dược Hà Nội.

*** Các định hướng chuyên ngành và chuyên đề tự chọn:**

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
1	Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP)	1				1

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ				
		M	N	O	P	Q
2	Bào chế công nghiệp	4				
3	Công nghệ vi sinh trong SXDP	3				
4	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu	3				
5	Kỹ thuật hóa dược	3				
6	KTSXDP (không học)	-4				
7	Dược lý 3		2			
8	Sử dụng thuốc trong điều trị		3			
9	Phân tích ca lâm sàng		1			
10	Bệnh gây ra do thuốc		1			
11	Tư vấn sử dụng thuốc		1			
12	Thông tin thuốc		1			
13	Kỹ năng giao tiếp			1		
14	Marketing dược			2		
15	Quản lý cung ứng thuốc			2		
16	Quản trị doanh nghiệp dược			3		
17	Thực hành tốt cung ứng thuốc (GDP, GSP, GPP)			2		2
18	Phương pháp nghiên cứu cây thuốc				2	
19	Dược học cổ truyền 2				2	
20	Kiểm nghiệm dược liệu và các chế phẩm có nguồn gốc dược liệu				2	2
21	Trồng và phát triển cây thuốc				2	
22	Nguồn dược liệu có giá trị khai thác ở Việt Nam				2	
23	Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)					1
24	Ứng dụng sắc ký trong phân tích thuốc và dịch sinh học					3
25	Xây dựng và thẩm định phương pháp phân tích					1
26	Các chuyên đề tự chọn khác	4	5	4	4	4

Ghi chú:

M: Định hướng Công nghiệp dược truyền

N: Định hướng Dược lâm sàng thuốc

O: Định hướng Quản lý và kinh tế dược

P: Định hướng Dược liệu - Dược cổ

Q: Định hướng Đảm bảo chất lượng

4. Hệ văn bằng hai

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Nhóm Hóa	Nhóm Sinh	Nhóm Y
1	Sinh học	3		
2	Hoá đại cương vô cơ		3	3
3	Ngoại ngữ 4	2	2	2
4	Hoá hữu cơ		3	3
5	Hoá phân tích 1	2	2	2
6	Hoá phân tích 2	2	2	2
7	Hoá lý dược	3	3	3
8	Thực vật dược	3	3	3
9	Giải phẫu sinh lý	4	4	4

TT	Môn học/Học phần	Số tín chỉ		
		Nhóm Hóa	Nhóm Sinh	Nhóm Y
10	Môi trường	1	1	1
11	Độc chất	2	2	2
12	Hoá sinh	3	3	3
13	Vi sinh- Ký sinh trùng	3		
14	Dược liệu 1	3	3	3
15	Dược liệu 2	2	2	2
16	Hoá dược 1	3	3	3
17	Hoá dược 2	2	2	2
18	Bệnh học cơ sở	3	3	3
19	Dược lý 1	2	2	2
20	Dược lý 2	3	3	3
21	Quản lý Kinh tế dược	3	3	3
22	Bào chế 1	3	3	3
23	Bào chế 2	3	3	3
24	Dược học cổ truyền	3	3	3
25	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	5	5	5
26	Pháp chế dược	2	2	2
27	Kiểm nghiệm dược phẩm	2	2	2
28	Dược lâm sàng	4	4	4
29	Dịch tễ dược cơ bản	1	1	1
30	Dược động học	2	2	2
31	Truyền thông và giáo dục sức khỏe	1	1	1
32	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	3	3	3
33	Tâm lý và đạo đức Y Dược	1	1	1
34	Chuyên ngành/ Tự chọn	10	10	10
35	Thực hành dược khoa	4	4	4
36	Tốt nghiệp	10	10	10
	Tổng số	103	103	103

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ	TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
1	Bào chế	3	19	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	2	20	Ngoại ngữ 1	2
3	Dược học cổ truyền	2	21	Ngoại ngữ 2	2
4	Dược lâm sàng	2	22	Ngoại ngữ chuyên ngành	3
5	Dược liệu	3	23	Pháp chế dược	2
6	Dược lý	3	24	Quản lý và Kinh tế dược	2
7	Giáo dục Quốc phòng - an ninh	6	25	Thực vật dược	3
8	Giáo dục thể chất	3	26	Tin học	3
9	Hóa đại cương vô cơ	3	27	Toán thống kê y dược	2
10	Hóa dược	3	28	Vật lý đại cương	3
11	Hóa hữu cơ	3	29	Sinh học và di truyền	1
12	Hóa phân tích 1	2	30	Vi sinh- Ký sinh	2
13	Hóa phân tích 2	2	31	Bệnh học cơ sở	2

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
14	Kiểm nghiệm	2
15	Hóa sinh	2
16	ĐLCM của ĐCSVN	3
17	Những NLCB của CN Mác-Lênin 1	2
18	Những NLCB của CN Mác-Lênin 2	3

TT	Môn học/ Học phần	Số tín chỉ
32	Giải phẫu - sinh lý	4
33	Thực hành dược khoa	7
34	Chuyên đề tự chọn	12
35	Tốt nghiệp	5
Tổng		106

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

4.1. Tiến sĩ

Gồm 7 chuyên ngành

Mã số	Tên chuyên ngành
62720402	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
62720403	Hóa dược
62720405	Dược lý và dược lâm sàng
62720406	Dược học cổ truyền
62720408	Hóa sinh dược
62720410	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
62720412	Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

1. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học dược chính quy đạt loại khá trở lên hoặc có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại khá trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển, đã học qua chương trình bổ túc kiến thức của chương trình đào tạo dược sĩ.

2. Thí sinh có bằng thạc sĩ dược học đúng chuyên ngành, chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi.

Hình thức đào tạo:

1. Hệ tập trung: Người có bằng thạc sĩ, thời gian đào tạo là 3 năm. Người có bằng tốt nghiệp đại học, thời gian đào tạo là 4 năm.

2. Hệ không tập trung: Trường hợp nghiên cứu sinh không học tập trung liên tục được, có đơn đề nghị và được Nhà trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như hệ tập trung, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Trường để thực hiện đề tài nghiên cứu. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh không học tập trung liên tục là 4 năm với người có bằng thạc sĩ và 5 năm với người có bằng tốt nghiệp đại học

4.2. Thạc sĩ

Gồm 6 chuyên ngành:

Mã số	Tên chuyên ngành
60720402	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
60720405	Dược lý và dược lâm sàng
60720406	Dược học cổ truyền
60720408	Hóa sinh dược
60720410	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
60720412	Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp đại học dược được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo tín chỉ: thời gian 1,5 năm

4.3. Dược sĩ chuyên khoa cấp II

Gồm 7 chuyên ngành

Mã số	Tên chuyên ngành
62720402CK	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
62720403CK	Hóa dược
62720405CK	Dược lý và dược lâm sàng
62720406CK	Dược học cổ truyền
62720408CK	Hóa sinh dược
62720410CK	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất

62720412CK

Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

1. Thí sinh có bằng tốt nghiệp Dược sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành xin dự thi 06 năm trở lên (*không kể thời gian học CKI*).

2. Thí sinh đã tốt nghiệp Thạc sĩ đúng chuyên ngành dự tuyển từ 06 năm trở lên.

Tuổi đời không quá 50 đối với nữ và 55 đối với nam.

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài không quá 4 năm.

4.4. Dược sĩ chuyên khoa cấp I

Gồm 6 chuyên ngành

Mã số	Tên chuyên ngành
60720402CK	Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc
60720405CK	Dược lý và dược lâm sàng
60720406CK	Dược học cổ truyền
60720408CK	Hóa sinh dược
60720410CK	Kiểm nghiệm thuốc và độc chất
60720412CK	Tổ chức quản lý dược

Đối tượng đào tạo:

Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học dược, có thời gian công tác liên tục trong lĩnh vực y tế ít nhất 12 tháng. Tuổi đời không quá 45 đối với nữ và 50 đối với nam

Hình thức đào tạo:

Tập trung theo tín chỉ: Học viên tập trung học tập theo kế hoạch của Nhà trường. Thời gian học tập tương đương 2 năm tập trung và kéo dài từ 3 đến 4 năm.

4.5. Chương trình liên kết đào tạo thạc sĩ khoa học Dược do các trường đại học của Cộng hòa Pháp cấp bằng

Gồm 3 chuyên ngành:

Hóa dược, Dược động học, Dược lý và Khoa học về thuốc

Đối tượng đào tạo:

Công dân Việt Nam, Lào, Campuchia và Pháp có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành Dược hoặc đã hoàn thành chương trình Master1 theo yêu cầu.

Hình thức đào tạo:

Tập trung, thời gian đào tạo 2 năm (Master 1 và Master 2)

4.6. Đào tạo liên tục

Ngoài các loại hình đào tạo chính quy, công tác đào tạo liên tục trong Nhà trường ngày càng được mở rộng, đáp ứng nhu cầu xã hội. Hàng năm, Nhà trường tổ chức nhiều lớp tập huấn, hội thảo do các giảng viên Việt Nam, chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy về các lĩnh vực trong ngành Dược.

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ VAI TRÒ CỦA NGƯỜI HỌC

Người học đóng vai trò quan trọng trong hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục.

Người học có quyền và nghĩa vụ trong hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Dược Hà Nội. Người học được tham gia phản hồi, đóng góp ý kiến về hoạt động giảng dạy, đào tạo của trường cũng như chương trình đào tạo, tổ chức đào tạo, nội dung giảng dạy của môn học/học phần, về cơ sở vật chất, về chất lượng phục vụ thực tập của kỹ thuật viên, của cán bộ phòng ban, các hoạt động hỗ trợ người học; các hoạt động kiểm tra, đánh giá, thi cử... Thông qua việc phản hồi, người học được thể hiện chính kiến của mình về những vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo, chủ động đề xuất những cải tiến, thay đổi hợp lý hơn. Các ý kiến phản hồi từ người học còn là một trong những căn cứ quan trọng giúp các giảng viên, bộ môn, các phòng chức năng liên quan và Ban Giám hiệu Nhà trường có thông tin về các vấn đề tồn tại để điều chỉnh, khắc phục, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Bên cạnh đó, Nhà trường còn sử dụng các kết quả phản hồi như một trong những cơ sở dữ liệu để đánh giá, xếp loại cán bộ viên chức và đề xuất khen thưởng đối với giảng viên, kỹ thuật viên...

Để thực hiện tốt vai trò của mình trong hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục, người học cần tìm hiểu và nắm bắt một cách rõ ràng về sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường cũng như các hoạt động, nội dung, chính sách của Nhà trường, các văn bản, quy chế, quy định được áp dụng trong hoạt động đào tạo, quản lý đào tạo của nhà trường, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến người học. Đồng thời các ý kiến phản hồi từ người học phải thực sự khách quan, trung thực và mang tính xây dựng.

Với nhiệm vụ đầu mối tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ người học, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng thường xuyên tổ chức thu thập ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Người học được cung cấp tài khoản để thực hiện phản hồi online thông qua hệ thống website <http://www.hup.edu.vn>

Ngoài ra, người học còn có thể cung cấp thông tin phản hồi cho Nhà trường bằng văn bản qua "**Hòm thư đảm bảo chất lượng**" được đặt cạnh bảng tin sinh viên, tầng 1, khu vực cầu thang lên giảng đường 12 hoặc hòm thư điện tử trên website của Trường.

Toàn bộ kết quả phản hồi được tổng hợp, gửi Ban Giám hiệu và các đơn vị liên quan để có kế hoạch điều chỉnh phù hợp nhằm phát huy điểm mạnh, phát hiện và khắc phục những vấn đề tồn tại nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

NHỮNG QUY ĐỊNH VÀ VĂN BẢN CẦN BIẾT

Phần này giới thiệu các quy chế đào tạo hiện đang được áp dụng tại Trường:

- Quy chế 43 và hướng dẫn thực hiện.
- Quy định công tác sinh viên Trường ĐH Dược Hà Nội.
- Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường ĐH Dược Hà Nội.
- Nội quy Khu nội trú.

QUY CHẾ

Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT

ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

(Quy chế 43)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong các đại học, học viện, trường đại học và trường cao đẳng (sau đây gọi tắt là trường) thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi học phần, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.

2. Chương trình được các trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành; kiểu ngành chính - ngành phụ; kiểu 2 văn bằng).

3. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Hiệu trưởng các trường quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp với đặc điểm của trường.

4. Đối với những chương trình, khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình, thì 1,5 đơn vị học trình được quy đổi thành 1 tín chỉ.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Thời gian hoạt động giảng dạy của trường được tính từ 8 giờ đến 20 giờ hằng ngày. Tùy theo tình hình thực tế của trường, Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian hoạt động giảng dạy của trường.

Tùy theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, trường phòng đào tạo sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày cho các lớp.

Điều 5. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ qua các tiêu chí sau:

1. Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).

2. Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.

3. Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học.

4. Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Các trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

- Đào tạo trình độ cao đẳng được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;

- Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm một kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình quy định tại khoản 1 của Điều này, cộng với 2 học kỳ đối với các khóa học dưới 3 năm; 4 học kỳ đối với các khóa học từ 3 đến dưới 5 năm; 6 học kỳ đối với các khóa học từ 5 đến 6 năm.

Tùy theo điều kiện đào tạo của nhà trường, Hiệu trưởng quy định thời gian tối đa cho mỗi chương trình, nhưng không được vượt quá hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó.

Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

Điều 7. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký vào học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại trường đại học, trường cao đẳng, ngoài các giấy tờ phải nộp theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ

chính quy hiện hành, sinh viên phải nộp cho phòng đào tạo đơn xin học theo hệ thống tín chỉ theo mẫu do trường quy định. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân do phòng đào tạo của trường quản lý.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường và cấp cho họ:

- a) Thẻ sinh viên;
- b) Sổ đăng ký học tập;
- c) Phiếu nhận cổ vấn học tập.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khoá học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

Điều 9. Tổ chức lớp học

Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng sinh viên tối thiểu cho mỗi lớp học tùy theo từng loại học phần được giảng dạy trong trường. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp, nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập

1. Đầu mỗi năm học, trường phải thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng đào tạo của trường. Có 3 hình thức đăng ký các học phần sẽ học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn.

a) Đăng ký sớm là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tháng;

b) Đăng ký bình thường là hình thức đăng ký được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần;

c) Đăng ký muộn là hình thức đăng ký được thực hiện trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp.

Tùy điều kiện đào tạo của từng trường, Hiệu trưởng xem xét, quyết định các hình thức đăng ký thích hợp.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a) 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường;

b) 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của những sinh viên xếp hạng học lực bình thường.

5. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Phòng đào tạo của trường chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng đào tạo của trường lưu giữ.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký chỉ được chấp nhận sau 6 tuần kể từ đầu học kỳ chính, nhưng không muộn quá 8 tuần; sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ phụ, nhưng không muộn quá 4 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.

2. Điều kiện rút bớt các học phần đã đăng ký:

a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi phòng đào tạo của trường;

b) Được cố vấn học tập chấp thuận hoặc theo quy định của Hiệu trưởng;

c) Không vi phạm khoản 2 Điều 10 của Quy chế này.

Sinh viên chỉ được phép bỏ lớp đối với học phần xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận giấy báo của phòng đào tạo.

Điều 12. Đăng ký học lại

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D.

2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần khác đối với các học phần bị điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 13. Nghỉ ốm

Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép gửi trưởng khoa trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện.

Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

- | | |
|----------------------------|--|
| a) Sinh viên năm thứ nhất: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy dưới 30 tín chỉ; |
| b) Sinh viên năm thứ hai: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 30 tín chỉ đến dưới 60 tín chỉ; |
| c) Sinh viên năm thứ ba: | Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 60 tín chỉ đến dưới 90 tín chỉ; |

- d) Sinh viên năm thứ tư: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 90 tín chỉ đến dưới 120 tín chỉ;
- đ) Sinh viên năm thứ năm: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 120 tín chỉ đến dưới 150 tín chỉ;
- e) Sinh viên năm thứ sáu: Nếu khối lượng kiến thức tích lũy từ 150 tín chỉ trở lên.

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
- b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 15. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại trường, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 16. Bị buộc thôi học

1. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học; đạt dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo hoặc đạt dưới 1,10 đối với 2 học kỳ liên tiếp;
- b) Có điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai; dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;
- c) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

d) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xóa tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

2. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên đã học hoặc tại những trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 của Điều này, được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên học cùng lúc hai chương trình là sinh viên có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

- a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

- b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất;
- c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;
- 3. Sinh viên đang học thêm chương trình thứ hai, nếu rơi vào diện bị xếp hạng học lực yếu của chương trình thứ hai, phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
- 4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
- 5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Điều 18. Chuyển trường

- 1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
 - a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
 - b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
 - c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;
 - d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.
- 2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
 - a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
 - b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
 - c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
 - d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
- 3. Thủ tục chuyển trường:
 - a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;
 - b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 19. Đánh giá học phần

- 1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt và phải được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

- 2. Đối với các học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hiệu trưởng quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng khoa quyết định.

Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa và một bản gửi về phòng đào tạo của trường, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có).

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được trưởng khoa cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

a) Loại đạt:

A (8,5 - 10) Giỏi

B (7,0 - 8,4) Khá

C (5,5 - 6,9) Trung bình

D (4,0 - 5,4) Trung bình yếu

b) Loại không đạt: F (dưới 4,0) Kém

c) Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

d) Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ khoa chuyển lên.

7. Kí hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung

1. Để tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số như sau:

A tương ứng với 4

B tương ứng với 3

C tương ứng với 2

D tương ứng với 1

F tương ứng với 0

Trường hợp sử dụng thang điểm chữ có nhiều mức, Hiệu trưởng quy định quy đổi các mức điểm chữ đó qua các điểm số thích hợp, với một chữ số thập phân.

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

a_i là điểm của học phần thứ i
 n_i là số tín chỉ của học phần thứ i
 n là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

Chương IV

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 24. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp hoặc học thêm một số học phần chuyên môn được quy định như sau:

a) Làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đạt mức quy định của trường. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng không quá 14 tín chỉ cho trình độ đại học và 5 tín chỉ cho trình độ cao đẳng. Hiệu trưởng quy định khối lượng cụ thể phù hợp với yêu cầu đào tạo của trường.

b) Học và thi một số học phần chuyên môn: sinh viên không được giao làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn, nếu chưa tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình.

2. Tùy theo điều kiện của trường và đặc thù của từng ngành đào tạo, Hiệu trưởng quy định:

- a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp;
- b) Hình thức và thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
- c) Hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
- d) Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

Điều 25. Chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Việc chấm mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp phải do 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại các mục a và b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 3 tuần, kể từ ngày nộp đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

Điều 26. Thực tập cuối khóa và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Kiến trúc, y tế, Thể dục - Thể thao, Hiệu trưởng quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình của trường.

Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo: với khối lượng không dưới 180 tín chỉ đối với khoá đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm. Hiệu trưởng quy định cụ thể khối lượng kiến thức tối thiểu cho từng chương trình được triển khai đào tạo trong phạm vi trường mình;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Quy chế này.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khoá luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG
(đã ký)
Bành Tiến Long

Số: 57/2012/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình thực hiện trong trường mình, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 180 tín chỉ đối với khoá đại học 6 năm; 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm; 60 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 2 năm.”

2. Khoản 4 Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng

tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.”

3. Khoản 1 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại đơn vị do Hiệu trưởng quy định.”

4. Khoản 1 Điều 11 và điểm c khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung:

a) Khoản 1 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tuỳ theo điều kiện cụ thể của trường, Hiệu trưởng quy định thời hạn tối đa được rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký. Ngoài thời hạn quy định, học phần vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học học phần này sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F.”

b) Điểm c khoản 2 Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Không vi phạm khoản 3 Điều 10 của Quy chế này.”

5. Khoản 1 Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu. Tuỳ thuộc khối lượng của từng chương trình quy định tại khoản 4 Điều 2 của Quy chế này, Hiệu trưởng quy định cụ thể giới hạn khối lượng kiến thức để chuyển xếp hạng năm đào tạo.”

6. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) Điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Tuỳ theo đặc điểm của từng trường, Hiệu trưởng quy định áp dụng một hoặc hai trong ba điều kiện nêu trên để cảnh báo kết quả học tập của sinh viên và quy định số lần cảnh báo kết quả học tập, nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định của Hiệu trưởng;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế này hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường sinh viên vừa theo học hoặc tại trường khác có các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi

học quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.”

7. Điều 17 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.”

8. Điều 25 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 25. Đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Tùy theo từng chương trình, Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại điểm a và điểm b, khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.”

9. Khoản 1 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;

đ) Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng – an ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.”

10. Chương V được bổ sung, sửa đổi như sau:

a) Tên chương được sửa đổi như sau:

“Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN”;

b) Bổ sung Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Tổ chức thực hiện

1. Các trường lập kế hoạch và xây dựng lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ phù hợp với điều kiện cụ thể của trường mình.

2. Trên cơ sở những quy định của quy chế này, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể và lộ trình tiến đến đào tạo theo hệ thống tín chỉ hoàn chỉnh, các trường xây dựng quy định cụ thể của trường mình về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa và đào tạo liên thông.

3. Định kỳ các trường tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện, bổ sung và chỉnh sửa chương trình đào tạo, các quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ của trường.

4. Các trường được phép đánh giá và công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, làm cơ sở cho việc công nhận kiến thức đã tích lũy của sinh viên sử dụng trong trường hợp chuyển trường, học liên thông hoặc học tiếp lên trình độ cao hơn giữa các cơ sở đào tạo.

5. Để so sánh trong tuyển dụng, kết quả học tập toàn khóa của sinh viên đại học, cao đẳng giữa đào tạo theo tín chỉ và đào tạo theo niên chế được chuyển đổi tương đương theo hạng tốt nghiệp (theo hướng dẫn).”

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 2 năm 2013.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các đại học Quốc gia, đại học vùng, học viện, Hiệu trưởng các trường đại học, trường cao đẳng chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đã ký

Bùi Văn Ga

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐH DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 538/QĐ-DHN ngày 22 tháng 8 năm 2013)

Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 (gọi tắt là quy chế 43) và thông tư số 57/2012/TT-BGD&ĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Các quy định chính của quy chế này đã được Trường Đại học Dược Hà Nội thực hiện trong việc tổ chức đào tạo cho sinh viên đại học chính quy từ khóa 66, sinh viên cao đẳng khóa 1. Tuy nhiên, căn cứ vào tình hình thực tế, Nhà trường cụ thể hóa một số quy định áp dụng cho sinh viên đại học và cao đẳng đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Dược Hà Nội như sau:

1. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- Trọng số của các học phần khi tính các điểm trung bình là số tín chỉ tương ứng của học phần đó.

- Điểm trung bình chung lần 1: là điểm trung bình chung lần thi đầu theo trọng số là số tín chỉ của tất cả các học phần mà sinh viên đăng ký học từ đầu khóa học đến thời điểm được xét.

- Điểm trung bình chung học tập: là điểm trung bình chung theo trọng số là số tín chỉ của điểm học phần cao nhất của các học phần mà sinh viên đăng ký học từ đầu khóa học đến thời điểm được xét.
- Điểm trung bình chung học kỳ lần 1: là điểm trung bình lần thi đầu theo trọng số là số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học lần đầu tiên trong học kỳ đó.
- Điểm trung bình chung học tập học kỳ: là điểm trung bình chung theo trọng số là số tín chỉ của điểm học phần cao nhất của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó.
- Điểm trung bình chung năm học lần 1: là điểm trung bình lần thi đầu theo trọng số là số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học lần đầu tiên trong năm học đó.
- Điểm trung bình chung học tập năm học: là điểm trung bình chung theo trọng số là số tín chỉ của điểm học phần cao nhất của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong năm học đó.

2. Đánh giá học phần

- Điểm bài đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng, điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại	Điểm học phần thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số quy đổi từ thang điểm chữ
Giỏi	8,5 - 10,0	A	4,00
Khá	8,1 - 8,4	B1	3,75
	7,7 - 8,0	B2	3,50
	7,3 - 7,6	B3	3,25
	7,0 - 7,2	B4	3,00
Trung bình	6,6 - 6,9	C1	2,75
	6,2 - 6,5	C2	2,50
	5,8 - 6,1	C3	2,25
	5,5 - 5,7	C4	2,00
Trung bình yếu	5,1 - 5,4	D1	1,75
	4,7 - 5,0	D2	1,50
	4,3 - 4,6	D3	1,25
	4,0 - 4,2	D4	1,00
Yếu - Kém	2,1 - 3,9	F1	0,50
	0,0 - 2,0	F2	0,00

2.1. Đánh giá học phần chỉ có lý thuyết

Điểm học phần gồm điểm thi kết thúc học phần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm tiểu luận, điểm thảo luận, điểm thi giữa học phần và điểm chuyên cần. Trọng số của các phần này quy định tại bảng 1. Riêng các chuyên đề có số tín chỉ bằng 1 thì điểm học phần có thể chỉ là điểm thi kết thúc học phần.

2.2. Đánh giá học phần có cả lý thuyết và thực tập

Điểm học phần gồm điểm thi kết thúc học phần, điểm đánh giá phần thực tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm tiểu luận, điểm thảo luận, điểm thi giữa học phần và điểm chuyên cần. Trọng số của các phần này quy định tại bảng 1. Điểm của phần thực tập được tính là điểm trung bình cộng các bài thực tập. Số bài lấy điểm để tính điểm học phần do bộ môn quyết định và thông báo cho sinh viên trước các học kỳ.

Kết thúc phần thực tập nếu sinh viên thiếu bài thực tập hoặc có bài thực tập đã thực tập lại không đạt (điểm dưới 4,0) thì sinh viên không được dự thi kết thúc học phần và điểm kết thúc học phần là 0 điểm. Sinh viên phải đăng ký học lại học phần này ở các kỳ tiếp theo.

Bảng 1. Trọng số các thành phần điểm

Loại điểm	Học phần cả lý thuyết và thực tập	Học phần chỉ có lý thuyết
Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm tiểu luận, điểm thi giữa học phần, điểm chuyên cần	≤30%	≤50%
Điểm thực tập	≤30 %	0 %
Điểm thi kết thúc học phần	≥50%	≥50%

Khi thực hiện đánh giá học phần như trên cần chú ý:

- Bộ môn xác định trọng số các điểm đánh giá thành phần được Nhà trường phê duyệt trong đề cương chương trình chi tiết học phần và công bố cho sinh viên khi bắt đầu giảng dạy học phần.
- Bộ môn quyết định việc báo trước hoặc không báo trước lịch kiểm tra đánh giá thành phần (kết hợp với đánh giá điểm chuyên cần).
- Sinh viên có thể đăng ký học và thi các học phần chưa tích lũy trong các kỳ học lại theo thông báo của Nhà trường, sinh viên được phép đề nghị bảo lưu một số hoặc tất cả các điểm thành phần của học phần.
- Sinh viên có thể đăng ký học và thi cải thiện điểm các học phần ở các kỳ học lại theo thông báo của Nhà trường và phải đóng lệ phí như đăng ký học lại, sinh viên được phép đề nghị bảo lưu một số hoặc tất cả các điểm thành phần của học phần.

3. Cảnh báo kết quả học tập

3.1. Nhắc nhở

Việc nhắc nhở kết quả học tập của sinh viên được thực hiện sau khi học kỳ I các năm học kết thúc nếu điểm trung bình chung học kỳ I của sinh viên đạt dưới 0,80 đối với học kỳ I năm học đầu tiên, dưới 1,00 đối với các học kỳ I các năm học tiếp theo.

3.2. Cảnh báo

Việc cảnh báo bằng hình thức tạm ngừng tiến độ học tập để cải thiện kết quả được thực hiện theo năm học nếu kết quả học tập của sinh viên thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Điểm trung bình chung học tập đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;
- Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

Trong thời gian tạm ngừng tiến độ học tập, sinh viên phải đăng ký học lại các học phần chưa tích lũy hoặc cải thiện điểm.

4. Buộc thôi học

Sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy chế 43.
- Bị kỷ luật lần thứ hai vì lý do đi thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Quy chế 43 hoặc bị kỷ luật ở mức xoá tên khỏi danh sách sinh viên của trường.
- Có số lần cảnh báo kết quả học tập bằng hình thức tạm ngừng tiến độ học tập vượt quá 3 lần.

Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện Quy chế 43, các đơn vị, bộ môn, các lớp sinh viên phổ biến, quán triệt quy chế và hướng dẫn này tới tất cả các cán bộ, giảng viên, kỹ thuật viên, các sinh viên để thực hiện đúng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc kiến nghị,

các đơn vị, bộ môn và sinh viên có thể phản ánh cho Nhà trường (qua phòng Đào tạo) để Nhà trường xem xét giải quyết.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)
Thái Nguyễn Hùng Thu

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Công tác sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 320 /QĐ-DHN ngày 12 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về công tác sinh viên áp dụng đối với sinh viên đang học tập, nghiên cứu và rèn luyện tại trường đại học Dược Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) dựa trên việc cụ thể hóa Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016).

Điều 2. Sinh viên

1. Sinh viên được quy định là người đang học chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy tại Trường.
2. Sinh viên là trung tâm của các hoạt động giáo dục và đào tạo, được bảo đảm điều kiện thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường.

Điều 3. Công tác sinh viên

1. Công tác sinh viên là một trong những công tác trọng tâm của Trường, bao gồm tổng thể các hoạt động giáo dục, tuyên truyền; quản lý; hỗ trợ và tổ chức dịch vụ đối với sinh viên nhằm đảm bảo các Mục tiêu của giáo dục đại học.
2. Công tác sinh viên phải thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Công tác sinh viên phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch.

Chương II
NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA SINH VIÊN

Điều 4. Nhiệm vụ của sinh viên

1. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ trường đại học và các quy chế, quy định, nội quy của Trường.
2. Có trách nhiệm khai báo đầy đủ, chính xác thông tin cá nhân liên quan khi nhập học, cập nhật thông tin cá nhân trong quá trình học tập theo quy định của Trường.
3. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục, đào tạo của Trường; chủ động, tích cực tự học, nghiên cứu, sáng tạo và rèn luyện đạo đức, lối sống.

4. Tôn trọng giảng viên, viên chức và nhân viên của Trường; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập và rèn luyện; thực hiện tốt nếp sống văn hóa trong trường học.
5. Giữ gìn và bảo vệ tài sản; hành động góp phần bảo vệ, xây dựng và phát huy truyền thống của Trường.
6. Thực hiện đầy đủ quy định về việc khám sức khỏe đầu khóa và khám sức khỏe định kỳ trong thời gian học tập theo quy định của Trường.
7. Đóng học phí, bảo hiểm y tế và các khoản phí khác đầy đủ, đúng thời hạn.
8. Tham gia hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội vì cộng đồng phù hợp với năng lực và sức khỏe.
9. Tham gia phòng, chống tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử và các hoạt động khác của sinh viên; kịp thời báo cáo với Phòng Quản lý sinh viên, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng hoặc các cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện những hành vi tiêu cực, gian lận trong học tập, thi cử hoặc những hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế khác của sinh viên, cán bộ, giảng viên.
10. Tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong Trường và cộng đồng.
11. Giữ gìn, bảo quản và sử dụng đúng mục đích thẻ sinh viên.
12. Thực hiện đầy đủ thủ tục di chuyển nghĩa vụ quân sự.
13. Thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú đối với công an phường (xã) theo quy định hiện hành của Nhà nước và hướng dẫn của chính quyền địa phương, công an địa phương.
14. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật và của Trường.

Điều 5. Quyền của sinh viên

1. Được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được cung cấp chương trình, kế hoạch đào tạo của khóa học, năm học, học kỳ và học phần; được phổ biến nội quy, quy định của Trường, quy chế về đào tạo, rèn luyện và các chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan đến sinh viên.
2. Được tạo điều kiện trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện phù hợp với điều kiện của Trường về:
 - a) Sử dụng hệ thống thư viện, các trang thiết bị và phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao;
 - b) Tham gia nghiên cứu khoa học, thi Olympic Hóa học, thi sáng tạo khoa học, kỹ thuật...
 - c) Chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo quy định hiện hành của Nhà nước;
 - d) Đăng ký dự tuyển đi học, tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi sinh viên ở nước ngoài; được chuyển tiếp ở các trình độ đào tạo cao hơn theo quy định hiện hành của Trường;
 - e) Tham gia hoạt động trong tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên; tham gia các tổ chức tự quản của sinh viên, các hoạt động xã hội có liên quan ở trong và ngoài Trường theo quy định của pháp luật; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao lành mạnh, phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường;
 - f) Sử dụng các dịch vụ công tác xã hội hiện có của Trường như: hướng nghiệp, tư vấn việc làm, tư vấn sức khỏe, tâm lý, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt...;
 - g) Nghỉ học tạm thời, tạm ngừng học theo quy định của quy chế về đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được nghỉ hè, nghỉ Tết, nghỉ lễ theo quy định;
 - h) Được cấp thẻ sinh viên, xác nhận các giấy tờ liên quan trong quá trình học tập tại Trường.
3. Được hưởng các chế độ, chính sách, được xét nhận học bổng khuyến khích học tập, học bổng do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ theo quy định hiện hành; được miễn giảm phí khi sử dụng các dịch vụ công cộng về giao thông, giải trí, tham quan bảo tàng, di tích lịch sử, công trình văn hóa theo quy định của Nhà nước.

4. Được góp ý kiến trực tiếp hoặc thông qua cán sự lớp/cổ vấn học tập, kiến nghị với Trường về các giải pháp góp phần xây dựng nhà trường và các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; đề đạt nguyện vọng và khiếu nại lên Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên.

5. Được xem xét nguyện vọng vào ở khu nội trú và ưu tiên khi sắp xếp vào ở khu nội trú theo quy định của Trường. Được tạo điều kiện để đăng ký tạm trú, tạm vắng.

6. Sinh viên đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp được cấp bằng, bằng điểm học tập và rèn luyện, các giấy tờ liên quan và giải quyết các thủ tục hành chính khác.

Điều 6. Các hành vi sinh viên không được làm

1. Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giảng viên, viên chức, nhân viên, sinh viên của Trường và người khác.

2. Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử như: quay cốp, mang tài liệu và các thiết bị không được phép mang vào phòng thi, đặc biệt là các thiết bị công nghệ cao để gian lận trong thi cử (điện thoại, tai nghe Bluetooth, tai nghe siêu nhỏ, kính thông minh, đồng hồ thông minh...) vào phòng thi, xin điểm; học, thi, thực tập hộ người khác hoặc nhờ người khác học, thi, thực tập; sao chép, nhờ hoặc làm hộ tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp; tổ chức hoặc tham gia tổ chức thi hộ hoặc các hành vi gian lận khác.

3. Hút thuốc, uống rượu, bia trong Trường; say rượu, bia khi đến lớp học.

4. Tổ chức hoặc tham gia tụ tập đông người, biểu tình, khiếu kiện trái pháp luật; tham gia tệ nạn xã hội, gây rối an ninh, trật tự an toàn trong Nhà trường hoặc ngoài xã hội.

5. Tổ chức hoặc tham gia đua xe, cõ vũ đua xe trái phép.

6. Tổ chức hoặc tham gia đánh bạc dưới mọi hình thức.

7. Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, phát tán, tàng trữ, sử dụng hoặc lôi kéo người khác sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại dược phẩm, hóa chất cấm sử dụng; các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đồi trụy và các tài liệu cấm khác theo quy định của Nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong Trường và các hành vi vi phạm đạo đức khác.

8. Thành lập, tham gia các hoạt động mang tính chất chính trị trái pháp luật; tổ chức, tham gia các hoạt động tập thể mang danh nghĩa Trường khi chưa được Hiệu trưởng cho phép.

9. Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.

10. Sử dụng thẻ sinh viên và các giấy tờ liên quan trái mục đích.

11. Làm hỏng, mất, phá hủy hay sử dụng quá thời gian quy định các tài liệu, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao và các tài sản khác của Trường.

12. Mặc trang phục không phù hợp với môi trường sư phạm trong khuôn viên Trường.

13. Tổ chức hoặc tham gia các hoạt động vi phạm pháp luật khác.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT SINH VIÊN

Điều 7. Nội dung và hình thức khen thưởng

1. Khen thưởng, biểu dương đột xuất với cá nhân và tập thể sinh viên có thành tích xuất sắc:

a) Đạt giải trong cuộc thi Olympic Hóa học, hội nghị Khoa học công nghệ tuổi trẻ và các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao do Trường tổ chức hoặc cử tham dự;

b) Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, trong hoạt động thanh niên xung kích, sinh viên tình nguyện, giữ gìn an ninh trật tự, các hoạt động trong lớp, trong ký túc xá, trong các hoạt động xã hội, văn hóa - văn nghệ, thể dục – thể thao;

c) Có thành tích đặc biệt trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

d) Các thành tích đặc biệt khác.

2. Khen thưởng định kỳ vào cuối năm học, khóa học:

a) Danh hiệu khen thưởng cuối năm học và tiêu chuẩn:

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong công tác: tích cực tham gia các công tác của lớp/Đoàn Thanh niên/ Hội Sinh viên trong năm học; đạt điểm trung bình chung học tập năm học từ 2,20; đạt điểm rèn luyện trung bình năm học từ 80 trở lên.

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập: có điểm trung bình chung học tập lần 1 năm học từ 3,60; không phải thi lại; điểm rèn luyện trung bình năm học từ 80 điểm trở lên.

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác: thỏa mãn tiêu chuẩn của sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và sinh viên có thành tích xuất sắc trong công tác.

Không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với sinh viên có vi phạm kỷ luật trong năm học.

b) Danh hiệu khen thưởng cuối khóa học và tiêu chuẩn:

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong công tác: tích cực tham gia các công tác của lớp/Đoàn Thanh niên/ Hội Sinh viên trong khóa học; đã được khen thưởng có thành tích xuất sắc trong công tác/có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác trong vòng 2 năm gần nhất tính đến thời điểm xét; điểm trung bình chung học tập toàn khóa từ 2,30; điểm rèn luyện trung bình toàn khóa đạt từ 80 điểm trở lên.

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập: có điểm trung bình chung học tập lần 1 toàn khóa từ 3,60; không phải thi lại; điểm rèn luyện trung bình toàn khóa đạt từ 80 điểm trở lên.

- Sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và công tác: thỏa mãn tiêu chuẩn của sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và sinh viên có thành tích xuất sắc trong công tác.

Không xét danh hiệu thi đua, khen thưởng với các sinh viên chưa đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1, sinh viên có vi phạm kỷ luật trong toàn khóa học.

3. Hình thức khen thưởng bao gồm: giấy khen và tiền thưởng.

4. Mức thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 8. Trình tự và thủ tục xét khen thưởng

1. Phòng Quản lý sinh viên gửi thông báo đến các lớp sinh viên về việc xét khen thưởng cuối năm/cuối khóa thông qua email của Lớp trưởng và bangtinhuip (*email dạng nhóm được gửi đến tất cả email cá nhân của sinh viên trong Trường*).

2. Căn cứ thông báo của Phòng Quản lý sinh viên, lớp báo cáo với Cố vấn học tập và chủ động lên kế hoạch về thời gian, địa điểm họp và gửi giấy mời dự họp đến các đơn vị liên quan.

3. Lớp trưởng tổ chức họp lớp, bình bầu danh sách đề xuất khen thưởng của lớp.

4. Lớp trưởng tổng kết, hoàn thiện, tổng hợp hồ sơ khen thưởng của lớp và minh chứng (*nếu có*), nộp cho Phòng Quản lý sinh viên.

5. Phòng Quản lý sinh viên tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị khen thưởng của từng lớp, đối chiếu kết quả học tập (*do Phòng Đào tạo cung cấp*), lập bảng tổng hợp để báo cáo Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên (*sau đây gọi tắt là Hội đồng*).

6. Căn cứ trên kết quả tổng hợp, các tiêu chí đánh giá, xếp loại, Hội đồng xem xét cụ thể cho từng trường hợp sinh viên, đưa ra kết luận cuối cùng về các mức và hình thức khen thưởng đối với sinh viên. Hội đồng đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định khen thưởng.

7. Phòng Quản lý sinh viên thông báo quyết định khen thưởng tới sinh viên và các đơn vị liên quan, niêm yết trên bảng tin và thông báo qua hòm thư bangtinhuip.

Điều 9. Nội dung và hình thức kỷ luật

1. Tùy tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, sinh viên vi phạm có thể phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

a) Phê bình: áp dụng đối với sinh viên vi phạm kỷ luật nhưng chưa đến mức bị khiển trách. Các trường hợp cụ thể: vi phạm quy chế thi bị lập biên bản khiển trách; mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập, ...

b) Khiển trách: áp dụng đối với sinh viên vi phạm kỷ luật nhưng ở mức độ nhẹ. Các trường hợp cụ thể: nghỉ thực tập không phép từ 3-5 lần/năm học; không tham gia/không hoàn thành yêu cầu của tuần Sinh hoạt công dân học sinh – sinh viên; vi phạm quy chế thi bị lập biên bản cảnh cáo; hút thuốc lá trong khuôn viên Trường; tham gia biểu tình trái phép; khai báo thông tin không đúng sự thật, nộp giấy tờ hồ sơ không đúng thời hạn, ...

c) Cảnh cáo: áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ tương đối nghiêm trọng. Các trường hợp cụ thể: nghỉ thực tập không phép 6-8 lần/năm học; học/thực tập/kiểm tra hộ hoặc nhờ người học/thực tập/kiểm tra hộ; vi phạm quy chế thi bị lập biên bản đình chỉ thi; uống rượu bia trong giờ học, say rượu bia khi đến Trường; đánh bạc dưới mọi hình thức; tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép; đưa phần tử xấu vào Trường, khu nội trú gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự; đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau;...

d) Đình chỉ học tập có thời hạn: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm. Các trường hợp cụ thể: nghỉ thực tập không phép từ 9 lần trở lên/năm học; thi hộ hoặc nhờ thi hộ; lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có; kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo;...

e) Buộc thôi học: áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến Trường và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam. Các trường hợp cụ thể: tổ chức thi hộ, học hộ, gian lận thi cử có tổ chức; sử dụng công nghệ cao để gian lận trong thi cử (sử dụng điện thoại, tai nghe Bluetooth, tai nghe siêu nhỏ, kính thông minh, đồng hồ thông minh...); buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy; sử dụng ma túy; chứa chấp, môi giới mại dâm; chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo quy định của Nhà nước; ...

Một số trường hợp đặc biệt, tùy theo mức độ, tính chất nghiêm trọng của vi phạm mà bị xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học, như: mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập; vô lễ với giảng viên, viên chức và cán bộ của Trường; cố tình nộp chậm học phí, bảo hiểm và các khoản phí khác; làm hư hỏng tài sản của Trường, Khu nội trú; đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet; có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác;...

Các hành vi vi phạm lặp lại sẽ bị xem xét tăng nặng hình thức kỷ luật so với vi phạm lần đầu.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên được ghi vào hồ sơ sinh viên; trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn và buộc thôi học, Trường sẽ gửi thông báo cho gia đình sinh viên để phối hợp quản lý, giáo dục trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định kỷ luật.

Trong thời gian còn hiệu lực của quyết định kỷ luật, sinh viên tiếp tục có hành vi vi phạm, sẽ bị tăng nặng hình thức kỷ luật tùy theo mức độ.

Điều 10. Trình tự và thủ tục xét kỷ luật

1. Phòng Quản lý sinh viên nhận biên bản vi phạm từ các Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Phòng Đào tạo, Ban quản lý Khu nội trú và các đơn vị khác (nếu có).

2. Căn cứ biên bản vi phạm, Phòng Quản lý sinh viên tổng hợp danh sách trong đó ghi rõ: lý do vi phạm, ngày vi phạm, đề xuất hình thức kỷ luật, các vi phạm đã có trước đó (nếu có). Đối với các trường hợp đặc biệt, tiến hành làm rõ, xác minh thông tin để báo cáo Hội đồng.

3. Phòng Quản lý sinh viên báo cáo Hội đồng kết quả tổng hợp và đề xuất hình thức kỷ luật. Các trường hợp đặc biệt, Hội đồng xem xét cụ thể và đưa ra kết luận cuối cùng về hình thức kỷ luật đối với các sinh viên có vi phạm. Hội đồng đề nghị Hiệu trưởng ký quyết định kỷ luật bằng văn bản.

4. Phòng Quản lý sinh viên thông báo tới sinh viên và các đơn vị liên quan, niêm yết trên bảng tin và thông qua hòm thư bangtinhup các quyết định kỷ luật sinh viên.

Điều 11. Thời gian chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Phê bình và khiển trách: sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật.

2. Cảnh cáo: sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật.

3. Đình chỉ học tập có thời hạn: theo đúng thời hạn trong quyết định kỷ luật. Sinh viên kết thúc thời hạn bị đình chỉ, nếu có nguyện vọng vào học tiếp, làm đơn nộp cho Phòng Quản lý sinh viên trước khi bắt đầu học kỳ mới 01 tuần.

Riêng đối với các trường hợp bị đình chỉ học tập do vi phạm pháp luật cần có chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã chấp hành xong hình phạt, làm đơn để Trường xem xét, tiếp tục nhận vào học lại nếu đủ điều kiện.

Điều 12. Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên

1. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên:

a) Chủ tịch Hội đồng: là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền;

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Quản lý sinh viên;

c) Các ủy viên là đại diện các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Khu nội trú, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.

Khi họp xét kỷ luật sinh viên, Hội đồng có thể mời thêm Cố vấn học tập phụ trách lớp sinh viên, đại diện lớp có sinh viên vi phạm kỷ luật.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng và kỷ luật sinh viên có nhiệm vụ:

a) Tham mưu, đề xuất với Hiệu trưởng các hình thức khen thưởng, kỷ luật sinh viên;

b) Xem xét và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định về các trường hợp vi phạm kỷ luật, dựa trên các quy định hiện hành;

c) Hội đồng họp tối thiểu 02 lần/học kỳ, sau khi kết thúc các kỳ thi chính và thi lại.

Khi cần thiết, Hội đồng có thể họp phiên bất thường để giải quyết các vụ việc cần thiết.

Điều 13. Quyền khiếu nại về khen thưởng, kỷ luật

Cá nhân và tập thể sinh viên nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thỏa đáng có quyền khiếu nại lên Hội đồng Thi đua khen thưởng và Kỷ luật sinh viên hoặc Ban Giám hiệu trong vòng 7 ngày làm việc kể từ khi thông báo quyết định khen thưởng, kỷ luật; nếu Trường đã xem xét lại mà chưa thỏa đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV

NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 14. Tổ chức các hoạt động giáo dục, tuyên truyền

1. Giáo dục tư tưởng chính trị

a) Giáo dục, tuyên truyền để sinh viên nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, hình thành bản lĩnh chính trị, yêu tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, cảnh giác và biết phê phán những luận điểm xuyên tạc, những hành động chống phá Đảng và Nhà nước;

b) Phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên và các tổ chức chính trị - xã hội khác có liên quan trong các hoạt động rèn luyện của sinh viên. Tạo môi trường để sinh viên rèn luyện phấn đấu, được xét kết nạp vào Đảng.

2. Giáo dục đạo đức, lối sống

a) Giáo dục, tuyên truyền cho sinh viên những giá trị, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, những chuẩn mực đạo đức chung của xã hội và đạo đức nghề nghiệp; biết phê phán những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức;

b) Định hướng, giáo dục lối sống lành mạnh, văn minh, tiến bộ phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam; giáo dục ý thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên đối với tập thể và cộng đồng.

3. Giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật

a) Giáo dục, tuyên truyền nâng cao nhận thức và ý thức tuân thủ pháp luật, thói quen sống và làm việc theo pháp luật;

b) Nội dung giáo dục pháp luật đối với sinh viên tập trung vào các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện; pháp luật về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông và các luật khác có liên quan;

4. Giáo dục kỹ năng: kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm,...

5. Giáo dục thể chất

a) Giáo dục, hướng dẫn sinh viên về kỹ thuật, phương pháp luyện tập và tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động thể dục, thể thao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho sinh viên về ăn uống đảm bảo dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, sinh hoạt điều độ, không lạm dụng rượu, bia, sử dụng chất kích thích, gây nghiện; kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích...; Tổ chức và triển khai hoạt động của Trạm Y tế theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Giáo dục thẩm mỹ

a) Giáo dục kiến thức, kỹ năng để sinh viên biết yêu và cảm thụ cái đẹp trong tự nhiên, cuộc sống xã hội và trong nghệ thuật;

b) Hình thành năng lực phán đoán và đánh giá thẩm mỹ; hình thành thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ đúng đắn; hình thành năng lực sáng tạo nghệ thuật, lòng ham muốn và khả năng chuyển tải cái đẹp vào đời sống học tập, lao động và ứng xử. Có thái độ phê phán cái xấu, phản thẩm mỹ trong tâm hồn, trong hành vi ứng xử, hình dáng, trang phục...

Điều 15. Công tác quản lý sinh viên

1. Công tác hành chính

a) Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp, bố trí sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó) lâm thời, làm thẻ sinh viên;

b) Thống kê, tổng hợp dữ liệu và quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan đến sinh viên; giải quyết các công việc hành chính có liên quan đến sinh viên;

c) Tổ chức tiếp nhận sinh viên vào ở nội trú; hướng dẫn các thủ tục cho sinh viên ở ngoại trú;

d) Tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân học sinh – sinh viên” vào đầu năm, đầu khóa;

e) Tổ chức khai giảng cho sinh viên;

f) Thông tin, phổ biến quy chế, quy định của Trường đến sinh viên;

g) Cung cấp các tài liệu, thông tin về công tác sinh viên cho các cơ quan, đơn vị ngoài trường khi có ý kiến chỉ đạo của Ban Giám hiệu;

h) Tổ chức các buổi nói chuyện, đối thoại giữa đại diện sinh viên với lãnh đạo Trường về các mặt hoạt động của nhà trường.

2. Công tác khen thưởng và kỷ luật

a) Theo dõi, đánh giá ý thức học tập; tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên; phân loại, xếp loại sinh viên cuối mỗi học kỳ, năm học, khóa học theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Phát động, tổ chức các phong trào thi đua trong sinh viên; tổ chức đánh giá, bình bầu và khen thưởng cho tập thể, cá nhân sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện; tổ chức cho sinh viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic các môn học, thi sáng tạo tài năng trẻ và các hoạt động khuyến khích học tập khác;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định về học tập và rèn luyện đối với sinh viên;

d) Tham mưu, theo dõi và tổng hợp việc xử lý kỷ luật sinh viên vi phạm theo quy định.

3. Công tác sinh viên nội trú, ngoại trú

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác sinh viên nội trú, ngoại trú theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học

a) Ban hành nội quy, quy định, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trong sinh viên. Phối hợp với công an địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự trường học;

b) Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đảm bảo an toàn cho các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Theo dõi, nắm bắt diễn biến tư tưởng, hành vi của sinh viên để có sự định hướng, giáo dục; phối hợp ngăn chặn việc kích động, lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, tham gia các tệ nạn xã hội, truyền đạo trái phép và các hành vi vi phạm pháp luật; phối hợp xử lý các vụ việc về an ninh, trật tự trường học và các vụ việc liên quan đến sinh viên ở trong và ngoài Trường.

5. Thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên

Tuyên truyền, hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và giải quyết các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến sinh viên theo quy định.

Điều 16. Hỗ trợ và tổ chức dịch vụ sinh viên

1. Tư vấn học tập

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực (về học thuật, tài chính, kỹ thuật...) nhằm nâng cao khả năng, học tập hiệu quả.

2. Công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm

Tổ chức thực hiện các nội dung, biện pháp công tác tư vấn hướng nghiệp, việc làm phù hợp với các quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Tư vấn tâm lý, chăm sóc sức khỏe

a) Tư vấn, hỗ trợ sinh viên khi gặp phải các vấn đề về tâm lý - xã hội; phối hợp tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để có sự hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần;

b) Tổ chức khám sức khỏe đầu vào và định kỳ cho sinh viên; tư vấn, tổ chức cho sinh viên thực hiện Luật bảo hiểm y tế; sơ, cấp cứu, khám chữa bệnh ban đầu cho sinh viên nếu có đủ điều kiện theo quy định.

4. Hỗ trợ tài chính

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân hảo tâm xây dựng, quản lý các quỹ học bổng; tổ chức trao học bổng tài trợ cho sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

5. Hỗ trợ đặc biệt

Triển khai dịch vụ công tác xã hội trong trường học, tạo điều kiện giúp đỡ sinh viên khuyết tật, sinh viên diện chính sách, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

6. Tổ chức, quản lý các dịch vụ sinh viên

Tổ chức dịch vụ cho sinh viên như: internet, nhà ăn, căng tin, trông giữ xe, sân chơi, bãi tập, thiết chế văn hóa...

Chương V

HỆ THỐNG TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 17. Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên

1. Hệ thống tổ chức, quản lý công tác sinh viên của nhà trường gồm: Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị, Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Bộ môn Mác Lênin, Khu nội trú, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Cố vấn học tập và lớp sinh viên.

2. Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo công tác sinh viên toàn trường, xây dựng, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nội dung công tác sinh viên.

3. Phòng Quản lý sinh viên là đơn vị có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quản lý sinh viên và tổ chức thực hiện công tác quản lý sinh viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của nhà trường.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy định, các văn bản liên quan đến công tác sinh viên đã ban hành trước đây.

2. Căn cứ tình hình thực tế của Trường, theo đề nghị của các đơn vị trong hệ thống, Hiệu trưởng sẽ xem xét sửa đổi bổ sung Quy định này./.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Hòa

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 321/QĐ-DHN ngày 12 tháng 5 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Đại học Dược Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo tại Trường Đại học Dược Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; tổ chức thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

- Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được ban hành theo quy định này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.
- Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của sinh viên.
- Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

- Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:
 - Tham gia học tập;
 - Chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường;
 - Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
 - Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
 - Tham gia công tác lớp, Đoàn Thanh niên (ĐTN), Hội Sinh viên (HSV) hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.
- Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ THANG ĐIỂM

Điều 4. Các tiêu chí đánh giá và thang điểm

- Tiêu chí đánh giá và quy định mức điểm cụ thể:

Nội dung đánh giá	Mức điểm
a) Tham gia học tập: từ 0 đến tối đa 20 điểm	
- Đi học lý thuyết: + Đầy đủ, đúng giờ + Đủ từ 2/3 thời lượng môn học trở lên, đúng giờ + Vắng từ 1/3 thời lượng môn học trở lên	6 4 0
- Đi thực tập đúng giờ, chuẩn bị bài thực tập tốt, không phải thực tập lại	6
- Mỗi lần nghỉ thực tập không phép/phải thực tập lại	-1
- Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học	1
- Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho sinh viên	1

Nội dung đánh giá	Mức điểm
- Đạt giải trong các Hội nghị khoa học/kỳ thi Olympic cấp Trường: + Giải Nhất + Giải Nhì + Giải Ba	3 2 1
- Đạt giải trong các Hội nghị khoa học/kỳ thi Olympic cấp ngành trở lên: + Giải Nhất + Giải Nhì + Giải Ba + Giải Khuyến khích	5 4 3 2
- Có biểu hiện không trung thực trong học tập bị phê bình bằng văn bản: + Khiển trách + Cảnh cáo + Đình chỉ	-3 -5 -10
- Kết quả học tập (điểm TBL1): + 2.00 đến 2.24 + 2.25 đến 2.49 + 2.50 đến 3.19 + 3.20 đến 3.59 + 3.60 đến 4.00	1 2 3 4 5
- Không phải thi lại	1
b) Chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Trường: từ 0 đến tối đa 25 điểm	
- Thực hiện tốt nội quy giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện	12
- Vi phạm nội quy giảng đường	-4
- Vi phạm nội quy phòng thí nghiệm	-4
- Vi phạm nội quy thư viện	-4
- Nộp học phí, tiền Khu nội trú và các khoản lệ phí khác đúng thời hạn	8
- Nộp học phí không đúng hạn	-2
- Nộp tiền Khu nội trú không đúng hạn	-2
- Nộp các khoản lệ phí khác không đúng hạn	-2
- Chấp hành nghiêm túc Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Quy chế nội trú), Nội quy Khu nội trú sinh viên	5
- Phòng ở đạt danh hiệu " Phòng ở kiểu mẫu "	3
- Vi phạm Quy chế nội trú, Nội quy Khu nội trú sinh viên: + Lần thứ nhất + Từ lần thứ hai	-5 -10
- Chấp hành nghiêm túc Quy chế ngoại trú của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy (Quy chế ngoại trú)	5
- Tích cực tham gia hoạt động nơi cư trú, được khen thưởng	3
- Vi phạm Quy chế ngoại trú: + Lần thứ nhất + Từ lần thứ hai	-5 -10

Nội dung đánh giá	Mức điểm
- Nhờ người đi học hộ, thực tập hộ...	-10
- Không tham gia phản hồi đánh giá	-2
- Gia đình không nhận được giấy báo kết quả học tập do sinh viên cố tình ghi sai địa chỉ	-8
- Giấy báo kết quả học tập bị trả lại do địa chỉ không rõ ràng	-4
c) Tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: từ 0 đến tối đa 20 điểm	
- Tham gia đầy đủ, đúng giờ và hoàn thành tốt yêu cầu của các hoạt động sinh hoạt chính trị (tuần sinh hoạt công dân sinh viên, nghe thời sự...)	8
- Không tham gia tuần sinh hoạt công dân sinh viên (SHCDSV) đầu năm/đầu khóa	-8
- Không nộp bài thu hoạch tuần SHCDSV đầu năm/đầu khóa	-6
- Đi muộn trong buổi sinh hoạt tuần SHCDSV đầu năm	-3
- Mỗi lần đi muộn trong buổi sinh hoạt tuần SHCDSV đầu khóa	-1
- Mỗi lần vắng trong tuần SHCDSV đầu khóa	-2
- Bài thu hoạch tuần SHCDSV đầu năm/đầu khóa không đạt yêu cầu	-3
- Tham gia các hoạt động được Trường, ĐTN, HSV huy động	4
- Không tham gia các hoạt động được Trường, ĐTN, HSV huy động	-4
- Tham gia các hoạt động chung của lớp, chi đoàn, chi hội	4
- Mỗi 1 lần không tham gia các buổi sinh hoạt tập thể do lớp, chi đoàn, chi hội tổ chức	-1
- Tham gia các hoạt động: phòng chống tệ nạn xã hội, thi tìm hiểu, hội diễn văn nghệ, các giải thể thao...	4
- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi: hội diễn văn nghệ, các giải thể thao, các cuộc thi tìm hiểu... cấp Trường	3
+ Giải Nhất	2
+ Giải Nhì	1
+ Giải Ba	
- Đạt giải thưởng trong các cuộc thi: hội diễn văn nghệ, các giải thể thao, các cuộc thi tìm hiểu... cấp thành phố, bộ ngành, trung ương	5
+ Giải Nhất	4
+ Giải Nhì	3
+ Giải Ba	2
+ Giải Khuyến khích	
d) Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng: từ 0 đến tối đa 25 điểm	
- Chấp hành hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và địa phương nơi cư trú	5
- Chấp hành chủ trương, chính sách, đường lối của Đảng	4
- Tham gia các hoạt động quyên góp, ủng hộ, đền ơn đáp nghĩa	4
- Tham gia các hoạt động giữ gìn trật tự vệ sinh - cảnh quan môi trường	4
- Tham gia các hoạt động giữ gìn trật tự an toàn xã hội (ATXH)	4
- Giúp đỡ sinh viên khác trong học tập, đời sống	4

Nội dung đánh giá	Mức điểm
- Được biểu dương khen thưởng về việc tham gia giữ gìn trật tự ATXH hoặc có thành tích đấu tranh bảo vệ pháp luật, hành vi giúp người, cứu người	10
- Tham gia hiến máu nhân đạo	5
- Vi phạm Luật giao thông, an toàn trật tự, ATXH có thông báo gửi về Trường	-5
- Có hành vi, lời nói vô lễ với cán bộ, giảng viên Trường	-10
e) Tham gia công tác lớp, ĐTN, HSV hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện: từ 0 đến tối đa 10 điểm	
- Lớp trưởng, Ủy viên Ban chấp hành (UVBCH) ĐTN, UVBCH HSV, Bí thư chi bộ, Bí thư chi đoàn, Chi hội trưởng, Đội trưởng Đội Thanh niên tình nguyện (TNTN) + Hoàn thành nhiệm vụ + Không hoàn thành nhiệm vụ	5 0
- Lớp phó, UVBCH chi đoàn, UVBCH chi hội, Phó bí thư chi bộ + Hoàn thành nhiệm vụ + Không hoàn thành nhiệm vụ	4 0
- Tổ trưởng, Phụ trách câu lạc bộ, Trưởng Ban tự quản sinh viên nội trú + Hoàn thành nhiệm vụ + Không hoàn thành nhiệm vụ	3 0
- Thành viên Đội TNTN, thành viên các câu lạc bộ, thành viên Ban tự quản sinh viên nội trú + Hoàn thành nhiệm vụ + Không hoàn thành nhiệm vụ	2 0
- Hoàn thành nhiệm vụ các chức vụ khác trong lớp	3
- SV có đóng góp tích cực, tuyên truyền, vận động, lôi cuốn người khác tham gia công việc chung của trường, lớp, tham gia công tác Đoàn, Hội có hiệu quả	3
- Sinh viên có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện được tặng giấy khen	5
- Mỗi 1 lần cán bộ lớp, cán bộ Đoàn-Hội, cấp ủy chi bộ vắng họp (do Trường, ĐTN, HSV, Đảng ủy triệu tập) không lý do	-1

2. Nếu tổng điểm ở các mặt đánh giá vượt quá khung điểm quy định thì chỉ tính đến điểm tối đa của mặt đánh giá đó.

3. Đối với các sinh viên kiêm nhiều chức vụ thì chỉ tính điểm cho chức vụ có mức điểm cao nhất, các chức vụ còn lại chỉ cộng thêm 3 điểm nếu hoàn thành nhiệm vụ đó.

4. Việc đánh giá phải trung thực, đầy đủ; hoạt động rèn luyện ở học kỳ nào chỉ được đánh giá cho học kỳ đó.

5. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện lớp (sau đây gọi tắt là Hội đồng lớp) bao gồm lớp trưởng, lớp phó và các tổ trưởng, do lớp trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

6. Hoạt động cấp trường là các hoạt động do Nhà trường, ĐTN, HSV tổ chức; do câu lạc bộ - đội - nhóm trực thuộc Trường tổ chức có quy mô cấp Trường.

7. Đối với các trường hợp có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện, Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường sẽ xem xét cộng thêm điểm:

a) Cộng thêm 15 điểm đối với các trường hợp: Bằng khen của Trung ương Đoàn TNCSHCM Việt Nam, Trung ương HSV Việt Nam, giải thưởng “Sao tháng Giêng” và các giải thưởng cấp Trung ương khác.

b) Cộng thêm 10 điểm đối với các trường hợp: Bằng khen của Thành đoàn Hà Nội, HSV Thành phố Hà Nội, danh hiệu “Sinh viên năm tốt” và các giải thưởng khác tương đương.

Nếu thành tích được công nhận sau khi đã có Quyết định công nhận kết quả rèn luyện, sinh viên được bảo lưu thành tích để cộng điểm cho học kỳ kế tiếp.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 5. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

a) Loại Xuất sắc:

- Điểm rèn luyện từ 90 đến 100 điểm;
- Điểm trung bình lần 1 (TBL1) của học kỳ ≥ 2.5 ;
- Không có học phần thi lần 1 bị điểm F;
- Có kê khai cụ thể các thành tích cá nhân trong hoạt động Đoàn, Hội, trường, lớp.

b) Loại Tốt:

- Điểm rèn luyện từ 80 đến dưới 90 điểm;
- TBL1 của học kỳ ≥ 2.3 ;
- Số học phần thi lần 1 bị điểm F ≤ 1 ;
- Không vi phạm Quy chế công tác sinh viên, nội quy, quy định của Trường.

c) Loại Khá:

- Điểm rèn luyện từ 65 đến dưới 80 điểm;
- TBL1 của học kỳ ≥ 2.0 ;
- Số học phần thi lần 1 bị điểm F ≤ 3 .

d) Loại Trung bình:

- Điểm rèn luyện từ 50 đến dưới 65 điểm;
- TBL1 của học kỳ ≥ 1.0 ;

e) Loại Yếu:

- Điểm rèn luyện từ 35 đến dưới 50 điểm;
- Nếu do Hội đồng lớp chấm thì phải ghi rõ lý do.

g) Loại Kém:

- Điểm rèn luyện dưới 35 điểm;
- Nếu do Hội đồng lớp chấm thì phải ghi rõ lý do.

Điều 6. Phân loại để đánh giá

1. Sinh viên không thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện: Hội đồng lớp tự chấm điểm rèn luyện cho sinh viên, điểm rèn luyện không quá 64 điểm.

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá (tối đa 79 điểm).

3. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình (tối đa 60 điểm).

4. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

Tại học kỳ mà sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập, khi đánh giá kết quả rèn luyện chỉ được tối đa 49 điểm.

5. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

6. Một số trường hợp đặc biệt ở loại Xuất sắc và Tốt, Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp trường sẽ xem xét nâng/hạ xếp loại rèn luyện đối với sinh viên có TBL1 của học kỳ thấp hơn tiêu chuẩn ở điểm 2 Điều 5 không quá 0.2 điểm.

7. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của sinh viên tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

8. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện, sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

Điều 7. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Trước khi kết thúc học kỳ 1 tháng, Phòng Quản lý sinh viên gửi thông báo về việc đánh giá kết quả rèn luyện (các tiêu chí đánh giá, thời hạn nộp và các biểu mẫu) về lớp thông qua e-mail của lớp trưởng

2. Sinh viên căn cứ vào quá trình rèn luyện, tự đánh giá vào mẫu phiếu quy định và nộp cho ban cán sự lớp trước buổi họp lớp đánh giá rèn luyện.

3. Căn cứ vào thông báo của Phòng Quản lý sinh viên, lớp trưởng chủ động lên kế hoạch về thời gian, địa điểm họp và gửi giấy mời dự họp đến các phòng liên quan.

4. Lớp trưởng tổ chức họp toàn thể sinh viên (mời cố vấn học tập dự họp) để có ý kiến đánh giá, nhận xét từng sinh viên, đảm bảo theo đúng tiến độ thời gian quy định.

a) Chủ trì buổi họp: lớp trưởng.

b) Nội dung: xem xét và thông qua mức điểm của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể lớp. Lập bảng tổng hợp điểm rèn luyện của lớp sinh viên theo mẫu quy định. Buổi họp lớp phải lập biên bản theo mẫu quy định.

5. Hội đồng lớp họp thông qua kết quả đánh giá rèn luyện của lớp.

6. Các lớp nộp biên bản họp, phiếu đánh giá rèn luyện và các văn bản khác về Phòng Quản lý sinh viên theo đúng thời hạn ghi trong thông báo.

7. Tổng hợp, xử lý hồ sơ, chuẩn bị tài liệu họp Hội đồng cấp trường

a) Phòng Quản lý sinh viên tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đánh giá rèn luyện của từng lớp, nếu hồ sơ không đầy đủ yêu cầu cán bộ lớp phải bổ sung trong thời hạn 07 ngày làm việc.

b) Phòng Đào tạo cung cấp kết quả TBL1 cho Phòng Quản lý sinh viên đúng thời gian quy định.

c) Phòng Quản lý sinh viên tổng hợp, xem xét toàn bộ hồ sơ đánh giá kết quả rèn luyện và báo cáo, tham mưu cho Hội đồng cấp trường họp.

8. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường họp xét, điều chỉnh và công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên toàn Trường.

9. Niêm yết tại bảng tin Phòng Quản lý sinh viên và qua hòm thư bangtinhuip kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của sinh viên. Sinh viên có quyền làm đơn khiếu nại (trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả đánh giá rèn luyện) gửi về Phòng Quản lý sinh viên.

10. Phòng Quản lý sinh viên có trách nhiệm trả lời khiếu nại sau khi nhận đơn. Đối với các trường hợp đặc biệt, Phòng Quản lý sinh viên trình Chủ tịch Hội đồng đánh giá rèn luyện sinh viên cấp trường xem xét giải quyết.

11. Chậm nhất 20 ngày làm việc sau khi công khai kết quả, Hiệu trưởng ký ban hành quyết định công nhận kết quả đánh giá rèn luyện.

Điều 8. Quy định cách tính điểm rèn luyện

1. Nội dung đánh giá kết quả rèn luyện của học kỳ nào chỉ được sử dụng để đánh giá kết quả rèn luyện cho học kỳ đó.

2. Sinh viên chuyển khóa được bảo lưu kết quả rèn luyện khóa cũ và tiếp tục đánh giá với khóa mới ở các học kỳ tiếp theo.

3. Điểm rèn luyện của năm học và toàn khóa học được làm tròn số đến hàng đơn vị.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 9. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường

1. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường) do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký quyết định thành lập theo từng năm học.

2. Thành phần:

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

b) Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Quản lý sinh viên.

c) Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo một số đơn vị có liên quan, đại diện ĐTN và HSV cấp trường.

3. Nhiệm vụ:

a) Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

b) Căn cứ vào các quy định hiện hành, Hội đồng tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện và đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

c) Theo đề xuất của Thường trực Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định các vấn đề phát sinh đặc biệt.

Điều 10. Thời gian đánh giá kết quả rèn luyện

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo từng học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của Trường.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 11. Sử dụng kết quả rèn luyện

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú khu nội trú và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của Trường, làm căn cứ để xét tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên có kết quả rèn luyện xuất sắc cả năm và toàn khóa được Nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 12. Quyền khiếu nại

1. Đối với kết quả rèn luyện của từng học kỳ, sinh viên được quyền khiếu nại khi kết quả rèn luyện công bố không chính xác, thiếu sót hoặc được giải trình lý do để xem xét các nội dung bị trừ điểm bằng cách gửi đơn đến Phòng Quản lý sinh viên trong thời gian quy định. Khi nhận đơn khiếu nại, Trường sẽ có trách nhiệm giải quyết, trả lời cho sinh viên.

2. Đối với kết quả rèn luyện của các học kỳ cũ, của năm học và toàn khóa học, sinh viên được quyền khiếu nại về sai sót trong cập nhật điểm rèn luyện. Kết quả rèn luyện sẽ được đối chiếu với các quyết định công nhận kết quả rèn luyện trong hồ sơ lưu trữ. Thời gian khiếu nại cho phép trong suốt quá trình học tập tại trường của sinh viên.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện việc triển khai, đánh giá kết quả rèn luyện

Phòng Quản lý sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm, phối hợp với Phòng Đào tạo, ĐTN, HSV và các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo đúng quy định.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2017-2018 và thay thế các quy định, các văn bản liên quan đến công tác đánh giá rèn luyện của sinh viên đã ban hành trước đây.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Quản lý sinh viên để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Đăng Hòa

NỘI QUY KHU NỘI TRÚ SINH VIÊN

(Ban hành theo Quyết định số 369/QĐ-DHN ngày 20/4/2016

của Hiệu trưởng Trường ĐH Dược Hà Nội)

Điều 1. Điều kiện vào ở KNT

Sinh viên được vào ở Khu nội trú (KNT) phải chấp hành theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Ban Quản lý Khu nội trú (Ban QLKNT) cấp "Thẻ ở nội trú" dùng cho việc ở, ra vào cổng cho sinh viên ở nội trú (SVNT). SVNT phải ở đúng nơi được sắp xếp, không được tự ý đổi chỗ ở, cho người khác vào ở thay chỗ của mình; vắng mặt trên 01 ngày phải báo với Ban QLKNT;

Điều 2. Quy định thời gian

Mở cổng: 5h00; Đóng cổng: 23h00.

Tự học từ 8h00 - 11h30/14h00-16h30/19h30-21h30 (trừ ngày nghỉ, Lễ, Tết).

Thể dục, văn nghệ... 16h30-18h30;

Điều 3. Ra vào cổng, tiếp khách

Theo hướng dẫn của thường trực bảo vệ KNT;

Điều 4. Quản lý tài sản

SVNT gửi xe đúng quy định, tự bảo quản tài sản cá nhân và tham gia bảo vệ tài sản chung của KNT. Không tự động cải tạo, điều chỉnh, di chuyển các thiết bị, đồ dùng chung trong phòng. Làm hỏng, mất phải bồi thường theo giá trị tại thời điểm xảy ra và chịu các hình thức kỷ luật. Khi các thiết bị dùng chung bị hỏng: Trưởng phòng ở viết đơn lên Ban QLKNT đề nghị sửa chữa, thay thế.

Điều 5. Trật tự nội vụ - vệ sinh

Chỗ ở, phòng ở phải sạch sẽ, ngăn nắp, đồ đạc để gọn gàng, phơi đồ đúng nơi quy định, giữ vệ sinh phòng ở, hành lang, các khu vực công cộng. Khi có nguy cơ dịch bệnh, người ốm, tai nạn... Báo cho Ban QLKNT, Trạm Y tế kịp thời xử lý. Trưởng phòng ở có "Sổ quản lý phòng ở" ghi tên SVNT, tài sản kèm theo: xe, máy tính.... Có bảng phân công trực nhật.

Không được nấu ăn trong phòng ở. Tiết kiệm điện nước, khi không dùng phải tắt/khoá các thiết bị. Gom rác đúng quy định. Tham gia tổng vệ sinh môi trường.

Nghiêm cấm tự ý viết, vẽ, dán, đóng đinh, dán áp phích, băng rôn... lên tường nhà và tài sản. Không đổ nước, vứt đồ từ trên xuống.

Ban QLKNT qui định về trang bị cá nhân và từng phòng ở qua từng năm học;

Điều 6. An ninh trật tự - Phòng chống cháy nổ

Cấm: Nói/chửi bậy, gây ồn, uống rượu, bia say; hút thuốc lá, thuốc lào; đánh bạc dưới mọi hình thức; hoạt động mại dâm; mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng: các loại hàng cấm, văn hóa phẩm bị cấm, tiền chất, chất gây nghiện, vũ khí, vật liệu gây cháy nổ, độc hại, ô nhiễm môi trường;

Khi có: Cháy, nổ, mất cắp, đánh nhau, trộm lộn, các biểu hiện, hành vi vi phạm pháp luật... can thiệp và báo ngay Ban QLKNT, Tổ bảo vệ KNT hoặc công an;

Điều 7. Hoạt động chung

Phải được sự đồng ý của Nhà trường, Ban QLKNT. Cấm mọi hình thức quảng cáo, mua bán không được phép trong KNT;

Điều 8. Thực hiện quyền lợi - nghĩa vụ

Hoàn thành tốt nhiệm vụ Nhà trường, Ban QLKNT, Đội tự quản SVNT, Trưởng phòng ở giao cho. Đóng lệ phí đủ, đúng thời gian quy định;

Điều 9. SV ra khỏi KNT khi: Hết năm học, làm đơn xin ra khỏi KNT, bị kỷ luật phải ra khỏi KNT... Nộp lại "Thẻ ở nội trú"... bàn giao nơi ở cho Ban QLKNT;

Các hành vi vi phạm bản Nội quy này sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.